

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**

NGÀNH: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

MÃ SỐ: 7510605

CƠ SỞ ĐÀO TẠO: Học viện nông nghiệp Việt Nam

Trình độ đào tạo: Đại học

Hà Nội- 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	1
1.1 SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH.....	4
1.2 CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO PHÉP MỞ CHƯƠNG TRÌNH.....	3
1.3 KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VỀ NGỒN NHÂN LỰC NGÀNH	4
PHẦN 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA KẾ TOÁN & QTKD HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.....	12
2.1 GIỚI THIỆU VỀ KHOA.....	12
2.2 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	16
2.3 CÁC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO.....	25
2.4 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	27
2.4.1 Cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ học tập.....	27
2.4.2 Hệ thống thư viện, phòng đọc và tài liệu học tập:.....	30
2.4.3 Không gian sống và điều kiện sinh hoạt.....	33
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	35
3.1 CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ ĐÃ THAM KHẢO.....	35
3.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH	35
3.2.1. Mục tiêu	36
3.2.2. Chuẩn đầu ra.....	36
3.2.3. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp	37
3.2.4. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	37
3.3 MÔ TẢ HỌC PHẦN MÔN HỌC	41
3.3.1 Các học phần đại cương	41
3.3.2. Các học phần cơ sở ngành	46
Đề nghị và cam kết thực hiện	52

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 : Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	13
Bảng 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên.....	16
Bảng 3. Các hội nghị, hội thảo của Khoa.....	25
Bảng 4. Thiết bị phục vụ cho đào tạo.....	28
Bảng 5. Tài liệu tham khảo hiện có trong thư viện	31
Bảng 6: Kế hoạch đào tạo.....	38

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	5
Biểu đồ 2: Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	6
Biểu đồ 3: Lĩnh vực và công tác mà người được đào tạo về Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	7
Biểu đồ 4: Lĩnh vực cần cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng.....	8
Biểu đồ 5: Các kỹ năng chung cần thiết cho cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng.....	9
Biểu đồ 6: Năng lực đặc thù của chuyên gia Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	9
Biểu đồ 7: Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	10
Biểu đồ 8: Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất.....	11

PHẦN 1. MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

NGÀNH LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

1.1 SỰ CẦN THIẾT MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH

Học viện Nông nghiệp Việt Nam phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu đa ngành với chất lượng hàng đầu trong nước, tiên tiến trong khu vực về nông nghiệp và phát triển nông thôn, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Là trường trọng điểm quốc gia, Học viện Nông nghiệp Việt Nam không ngừng phấn đấu đạt chất lượng cao trong đào tạo, khoa học-công nghệ và phục vụ xã hội, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam văn minh, giàu, đẹp. Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (FABM) thành lập tháng 11/2007, thực hiện các nhiệm vụ:

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh doanh nông nghiệp và kế toán doanh nghiệp bao gồm trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và đào tạo ngắn hạn theo yêu cầu của xã hội; Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị tài chính, Kinh doanh nông nghiệp, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán, phục vụ công tác đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy; Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị, quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp và phát triển theo yêu cầu của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các địa phương và mọi thành phần kinh tế.

Tầm nhìn của FABM hướng tới 2030 đó là phấn đấu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế xã hội, góp phần công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Vận dụng sáng tạo và linh hoạt chiến lược phát triển của Học viện, phát huy thế mạnh của Khoa, tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo Học viện, sự phối hợp và tư vấn của các ban, khoa và đơn vị bạn trong và ngoài Học viện, tạo ra sự khác biệt trong đào tạo và nghiên cứu hướng tới chuẩn quốc gia và khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, tổ chức sử dụng lao động và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực chuyên môn và đời sống vật chất tinh thần của giảng viên và viên chức trong Khoa.

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh hiện là một trong các khoa lớn trực thuộc Học viện cả về quy mô sinh viên và số lượng cán bộ giảng dạy. Đội ngũ giảng viên, cán

bộ quản lý của khoa gồm 7 Phó giáo sư - tiến sĩ, 20 tiến sĩ được đào tạo ở các nước phát triển.

Hiện nay, Khoa đang đảm nhận 4 ngành đào tạo đại học gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý và phát triển du lịch, và Kế toán. Trong đó có ngành Kế toán với 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Kế toán-kiểm toán. Ngành Quản trị kinh doanh gồm 3 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing và Quản trị tài chính. Khoa có 02 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ là Quản trị kinh doanh và Kế toán; 01 ngành Tiến sĩ Quản trị kinh doanh. Ngoài ra, khoa còn có Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến.

Hàng năm, số lượng sinh viên nhập học của Khoa khoảng 500-900 sinh viên chính quy, 70-160 học viên cao học. Sinh viên ra trường 85% tìm được việc làm sau 6 tháng.

Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thực hành, thư viện, giáo trình: Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của ngoài hệ thống giảng đường, thư viện, phương tiện hỗ trợ đào tạo của Học viện, Khoa còn có hệ thống thư viện chuyên ngành với nhiều đầu sách tham khảo chuyên sâu trong các lĩnh vực đào tạo, phòng hội thảo, seminar, phòng thực hành máy tính, máy chiếu và các phương tiện khác phục vụ đào tạo chuyên ngành.

Trong 5 năm trở lại đây khoa thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh và hợp tác nghiên cứu với cơ quan nghiên cứu nước ngoài, bao gồm 9 đề tài cấp bộ, 6 đề tài cấp tỉnh, 5 đề tài song phương và hàng năm có từ 5-10 đề tài cấp Học viện. Kết quả thực hiện các đề tài tốt, đủ sản phẩm, đảm bảo đúng tiến độ, chỉ tiêu đúng qui định, nghiệm thu đề đạt từ khá trở lên, kết quả đề tài được đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước và trên thế giới. Số lượng khá lớn bài báo khoa học được công bố tại các tạp chí uy tín trong và ngoài nước trong 6 năm (2012- 2016) là 150 bài báo, bình quân có 25 bài mỗi năm.

Hợp tác nghiên cứu với nước ngoài tiêu biểu như Chương trình vùng cao (Upland program), dự án Việt Bỉ, dự án SPF (Quỹ Hòa Bình Nhật Bản) tập trung viết các tình huống phục vụ giảng dạy thạc sĩ Quản trị kinh doanh trong Khoa. Dự án Nghiên cứu tiêu dùng thực phẩm tại Việt Nam do bộ Nông nghiệp Đức tài trợ...

Để phục vụ tốt cho giảng dạy và nghiên cứu, Khoa đã và đang mở rộng hệ thống liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới, như Nhật

Bản, Đức, Trung Quốc, Thái Lan, Úc, Tây Ban Nha, Bỉ, Đài Loan...; hợp tác với các tổ chức quốc tế như Chương trình Phát triển của liên hiệp quốc (UNDP), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD), SEARCA, JICA, GTZ, UNDP, Ford Foundation, AIDA, SPF...

1.2 CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO PHÉP MỞ CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ pháp lý theo một số văn bản sau:

- 1) Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- 2) Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018
- 3) Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;
- 4) Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và h-ội nhập quốc tế được hội nghị trung ương 8 (Khóa XI) thông qua ngày 4/11/2013;
- 5) Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam 2006-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 6) Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/09/2017 về việc ban hành quy chế Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 7) Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- 8) Chiến lược phát triển của Học viện Nông nghiệp Việt Nam: Phát triển thành trường đại học đa ngành trọng điểm quốc gia có uy tín quốc tế và trong nước;
- 9) Quyết định số 1368/QĐ –HVN ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Học viện) về việc ban hành Quy định dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 2790/QĐ-HVN ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- 10) Quyết định số 3563/QĐ-HVN ngày 12/11/2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

11) Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31/12/2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Học viện và của Khoa

Chiến lược phát triển của Học viện Nông nghiệp Việt Nam: Phát triển thành trường đại học đa ngành trọng điểm quốc gia có uy tín quốc tế và trong nước.

Chiến lược phát triển chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh đến năm 2025 dựa trên chiến lược của Học viện về nâng cao chất lượng đào tạo thông qua mở một số các chương trình đào tạo tiên tiến/chất lượng cao và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

1.3 KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VỀ NGỒN NHÂN LỰC NGÀNH

Khi thị trường toàn cầu phát triển với các tiến bộ công nghệ, đặc biệt là việc mở cửa thị trường ở các nước đang và chậm phát triển, Logistics được các nhà quản lý coi như là công cụ, một phương tiện liên kết các lĩnh vực khác nhau của chiến lược doanh nghiệp. Logistics tạo ra sự hữu dụng về thời gian và địa điểm cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Logistics giúp giải quyết cả đầu vào lẫn đầu ra cho doanh nghiệp một cách hiệu quả, tối ưu hoá quá trình chu chuyển nguyên vật liệu, hàng hoá, dịch vụ...Logistics giúp giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp đã thành công lớn nhờ có chiến lược và hoạt động Logistics đúng đắn. Nhưng cũng không ít doanh nghiệp gặp khó khăn, thậm chí thất bại vì có những quyết định sai lầm trong hoạt động Logistics như: chọn sai vị trí, dự trữ không phù hợp, tổ chức vận chuyển không hiệu quả... Ngoài ra Logistics còn hỗ trợ đắc lực cho hoạt động Marketing. Chính Logistics đóng vai trò then chốt trong việc đưa sản phẩm đến đúng nơi cần đến, vào thời điểm thích hợp. Sản phẩm, dịch vụ chỉ có thể làm thoả mãn khách hàng và có giá trị khi và chỉ khi nó đến được với khách hàng đúng thời hạn, địa điểm quy định.

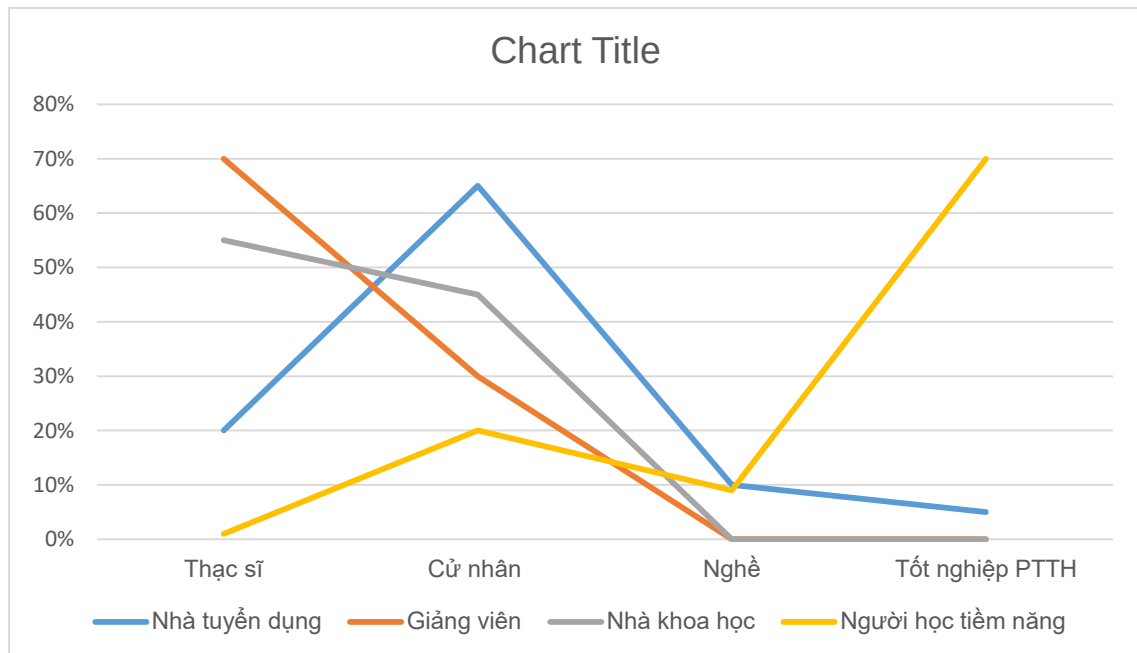
Phát triển dịch vụ Logistics một cách hiệu quả sẽ góp phần tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và quốc gia. Trong xu thế toàn cầu mạnh mẽ như hiện nay, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng trở nên gay gắt, khốc liệt hơn. Điều này đã làm cho dịch vụ Logistics trở thành một trong các lợi thế cạnh tranh của

quốc gia. Những nước kết nối tốt với mạng lưới dịch vụ Logistics toàn cầu thì có thể tiếp cận được nhiều thị trường và người tiêu dùng từ các nước trên thế giới. Phát triển dịch vụ Logistics sẽ đem lại nguồn lợi khổng lồ cho nền kinh tế. Logistics là một hoạt động tổng hợp mang tính dây chuyền, hiệu quả của quá trình này có tầm quan trọng quyết định đến tính cạnh tranh của ngành công nghiệp và thương mại mỗi quốc gia. Đối với những nước phát triển như Mỹ và Nhật Logistics đóng góp khoảng 10% GDP. Đối với những nước kém phát triển thì tỷ lệ này có thể cao hơn 30%. Sự phát triển dịch vụ Logistics có ý nghĩa đảm bảo cho việc vận hành sản xuất, kinh doanh các dịch vụ khác được đảm bảo về thời gian và chất lượng. Logistics phát triển tốt sẽ mang lại khả năng giảm được chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

(iv) Căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).1 Đánh giá thực trạng nhân lực trong lĩnh vực Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Logistic và quản lý chuỗi cung ứng được thể hiện qua kết quả được trình bày trên Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

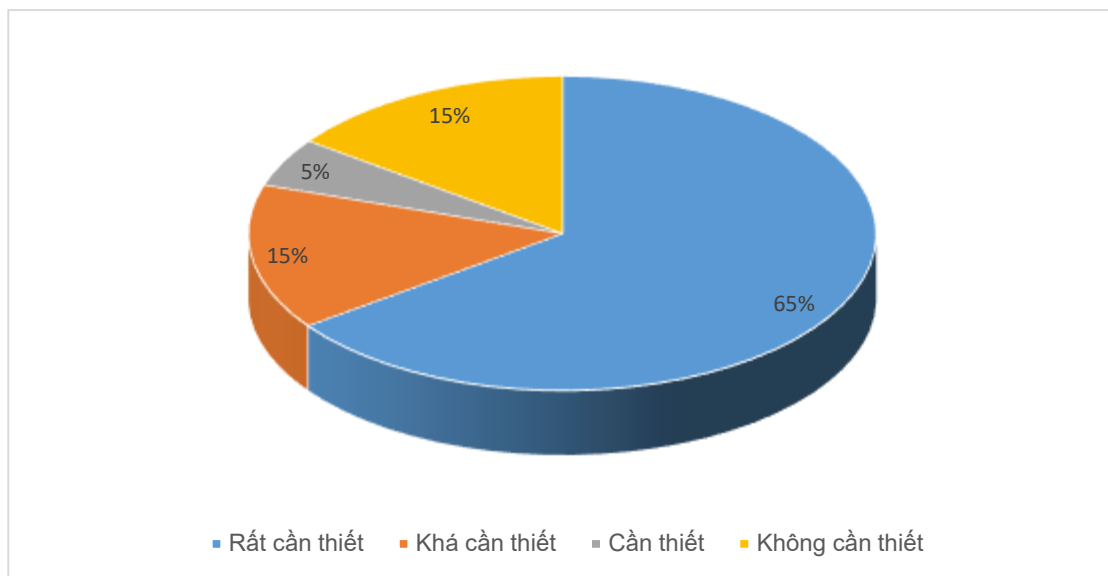
Như vậy, chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Logistic và quản lý chuỗi cung ứng hiện nay được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình khá. Mức độ này là

thể hiện chất lượng nhân lực trong lĩnh vực này cần được cải thiện và bổ sung thêm nhiều kiến thức và kỹ năng cần có theo đặc thù của công việc. Trong đó giảng viên và nhà khoa học có trình độ khá cao thì nhà tuyển dụng và người học tiềm năng trình độ chỉ ở mức trung bình.

Đa số đại diện đơn vị tuyển dụng được hỏi cho biết họ có nhu cầu nhân sự về ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Ở Việt Nam, ngành logistic và quản lý chuỗi cung ứng còn khá mới mẻ và đang phát triển nhanh, nhà nước đã và đang quan tâm đến ngành này và có nhiều chính sách để phát triển Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Tầm quan trọng của Logistic và quản lý chuỗi cung ứng đối với các doanh nghiệp hiện nay là điều không thể phủ nhận.

(iv).2 Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

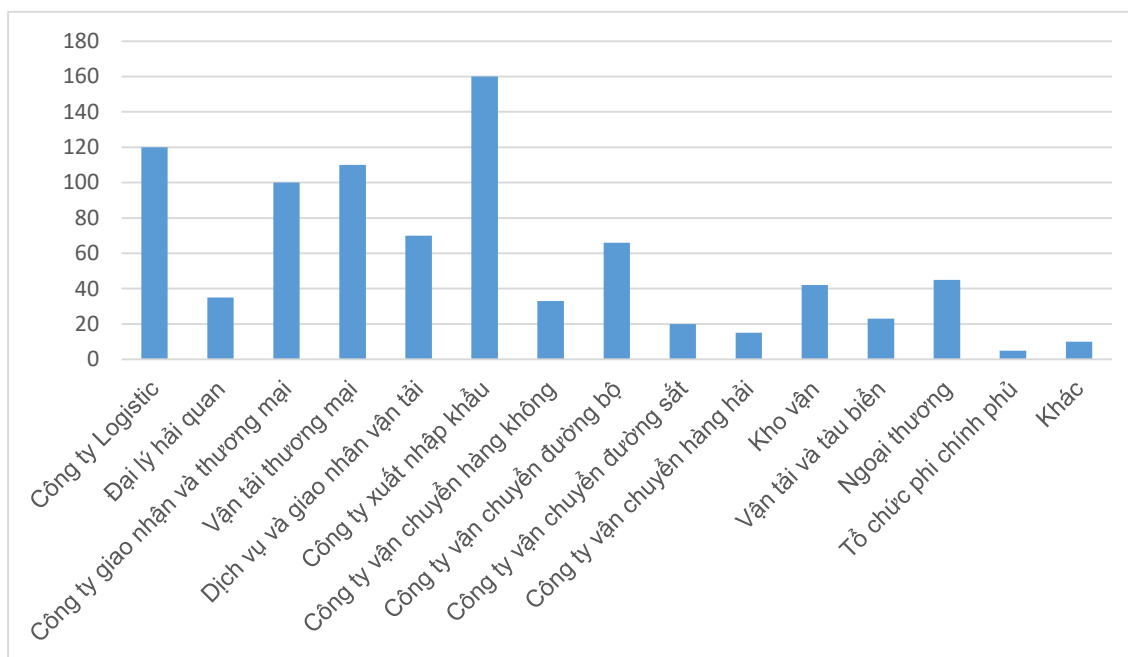
Theo kết quả điều tra, có tới 85% số người được hỏi cho rằng cần có chương trình đào tạo về Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Điều này cho thấy tính cấp thiết trong việc xây dựng chương trình đào tạo này phục vụ nhu cầu xã hội.



Biểu đồ 2: Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).3 Lĩnh vực và vị trí công việc của cử nhân ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

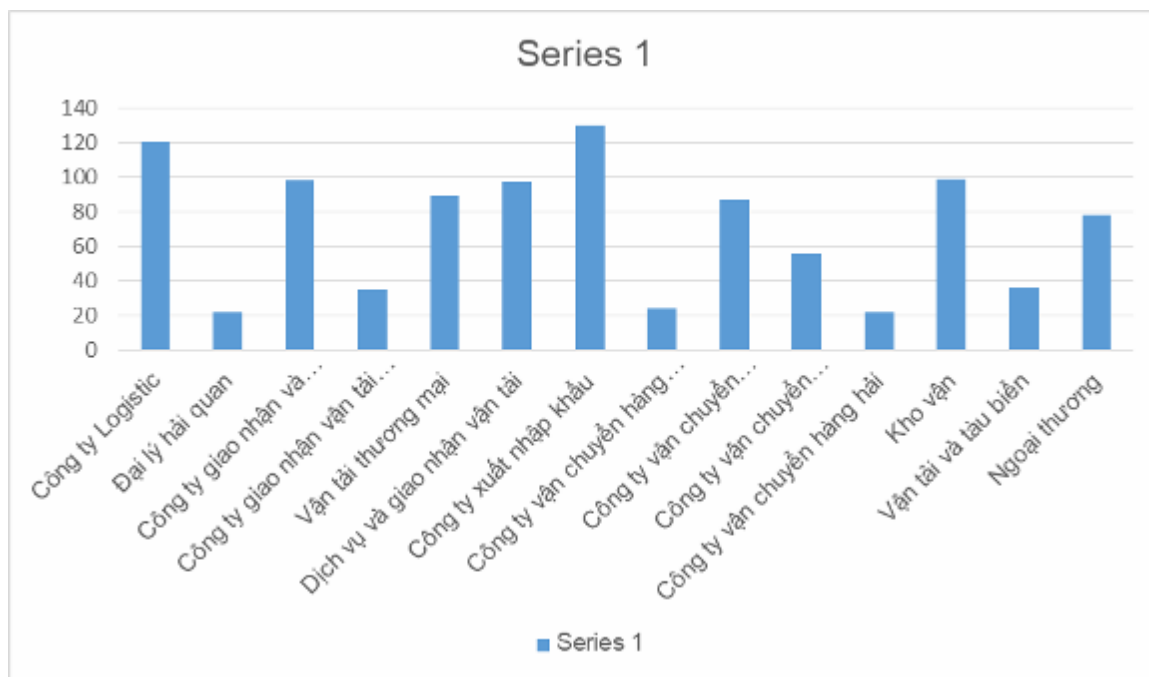
Theo khảo sát, vị trí công việc người được đào tạo có thể đảm nhận khá phong phú, đa dạng và nhiều ngành nghề khác nhau. Nơi làm việc tập trung chủ yếu tại các công ty xuất nhập khẩu, công ty logistic và các công ty vận tải thương mại.



Biểu đồ 3: Lĩnh vực và công tác mà người được đào tạo về Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).4. Các lĩnh vực cần cử nhân về Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

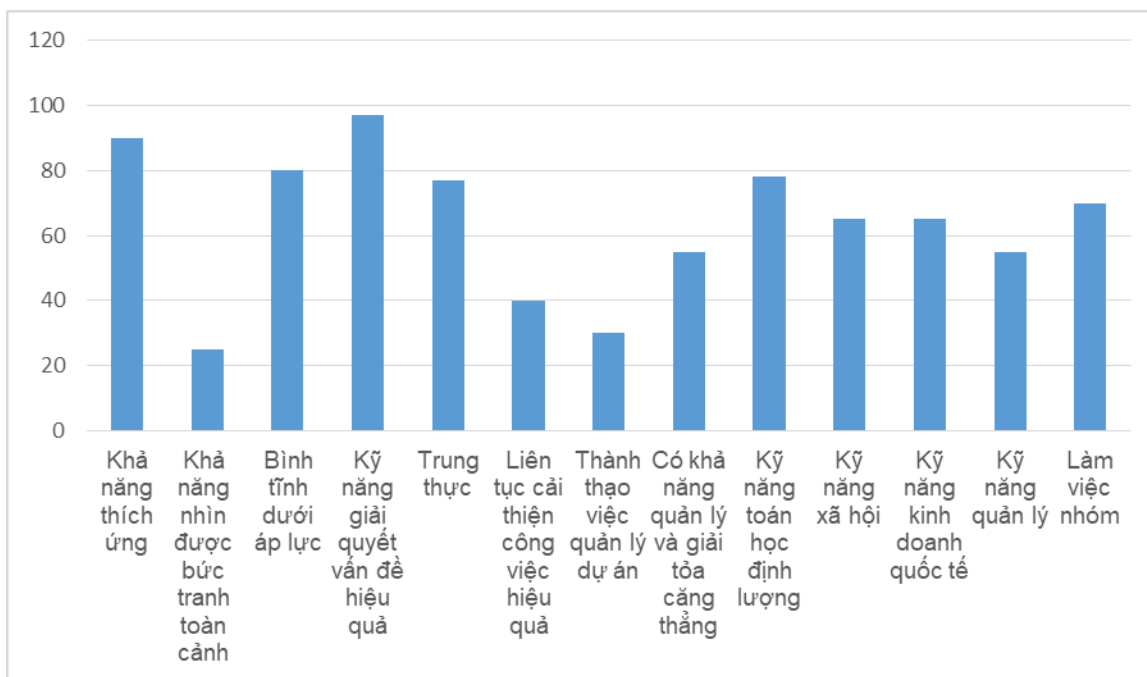
Kết quả khảo sát cho thấy ở Việt Nam, các cử nhân về Logistic rất cần trong các lĩnh vực làm về logistic và quản lý chuỗi cung ứng, đây thực sự là một ngành đang phát triển tại Việt Nam; ngoài ra còn rất cần trong các doanh nghiệp làm về xuất nhập khẩu, dịch vụ và giao nhận vận tải, kho vận... Hiện nay, Việt Nam được đánh giá có nhiều cơ hội để thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Cụ thể, hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, cảng hàng không, cảng biển, kho bãi, hạ tầng thương mại, trung tâm logistics không ngừng được mở rộng với quy mô lớn, rộng khắp. Cùng với đó, các dịch vụ đi kèm đã, đang đáp ứng kịp thời những yêu cầu hết sức đa dạng của thị trường. Các thủ tục, thời gian thông quan đối với hàng xuất khẩu cũng đã cải thiện đáng kể.



Biểu đồ 4: Lĩnh vực cần cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).5. Các kỹ năng chung cần thiết cho một cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

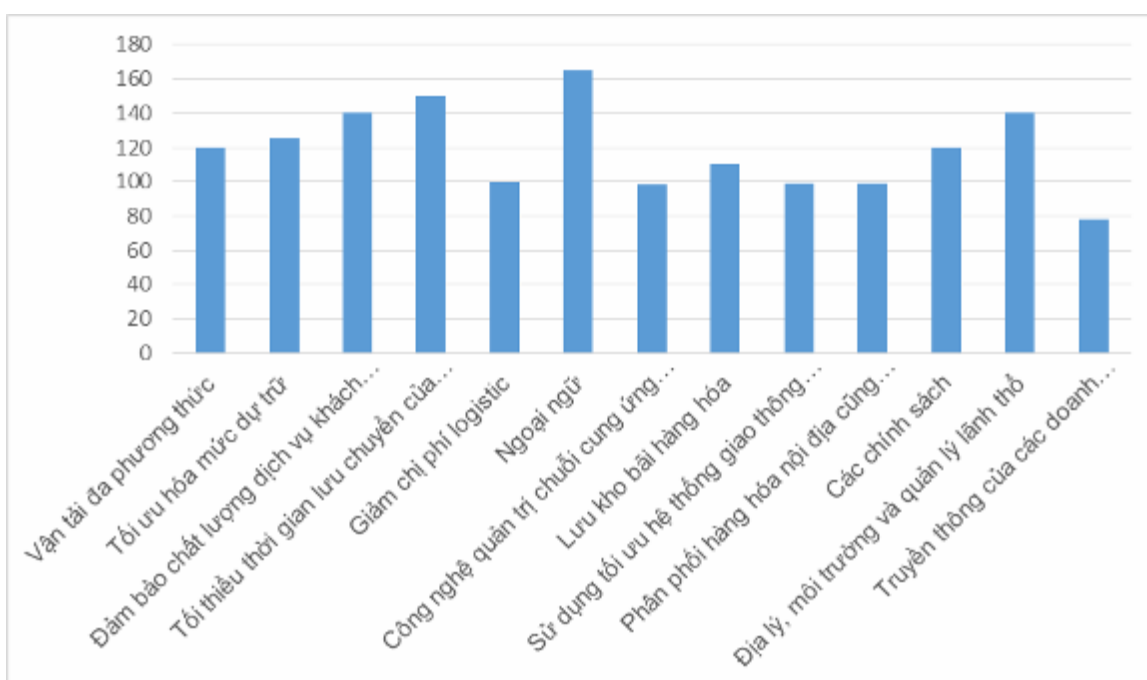
Kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng điều quan trọng nhất mà các cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng cần đạt được là kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả, khả năng thích ứng cao và bình tĩnh dưới áp lực; ngoài ra còn một kỹ năng rất quan trọng đó là làm việc nhóm một cách hiệu quả. Tính cách trung thực, khả năng toán học cũng là một trong những nhân tố không thể thiếu. Bên cạnh đó, công việc logistic và quản lý chuỗi cung ứng còn đòi hỏi ứng viên có tầm nhìn xa để dung hoà được nhu cầu của thị trường và khả năng cung ứng của công ty. Có được sự linh hoạt, nhạy bén về kinh doanh, cũng như khả năng phân tích, nắm bắt thị trường để có thể điều phối được hàng đến đúng nơi, đúng chỗ, tạo được hiệu quả kinh doanh.



Biểu đồ 5: Các kỹ năng chung cần thiết cho cử nhân Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).6 Năng lực đặc thù của chuyên gia Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

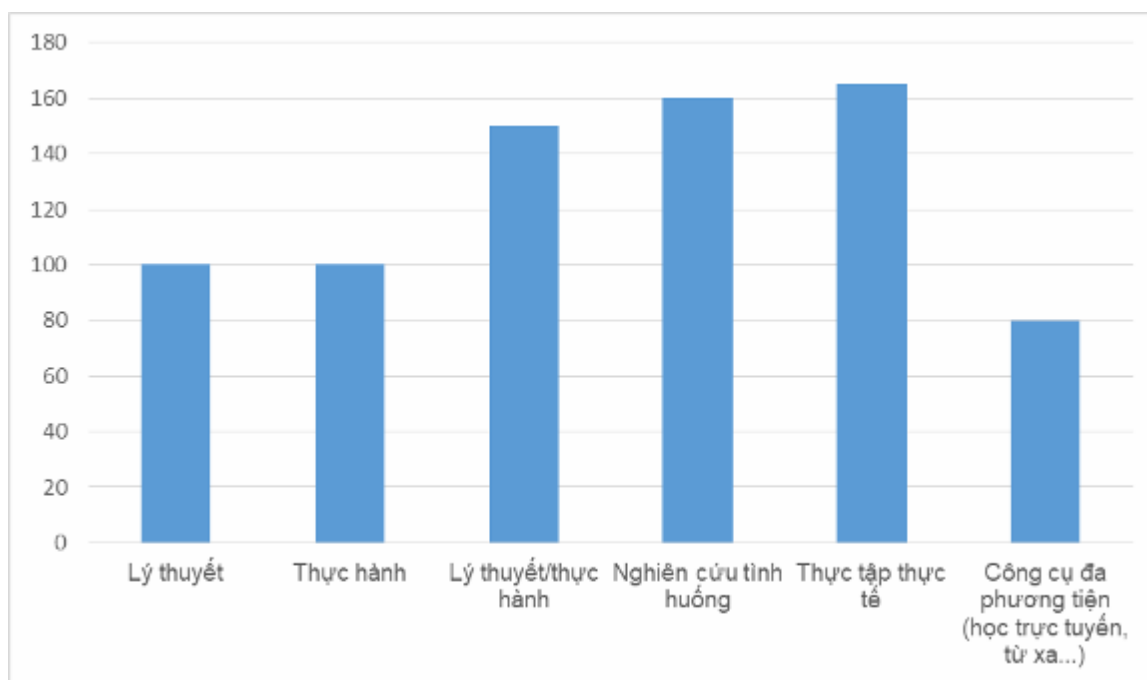
Theo kết quả khảo sát, năng lực đặc thù của các chuyên gia logistic và quản lý chuỗi cung ứng tập trung chủ yếu vào việc tối thiểu thời gian lưu chuyển của hàng hóa, đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và sự am hiểu về địa lý, môi trường và lãnh thổ. Vấn đề ngoại ngữ của chuyên gia Logistic và quản lý chuỗi cung ứng là một năng lực không thể thiếu.



Biểu đồ 6: Năng lực đặc thù của chuyên gia Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).7 Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

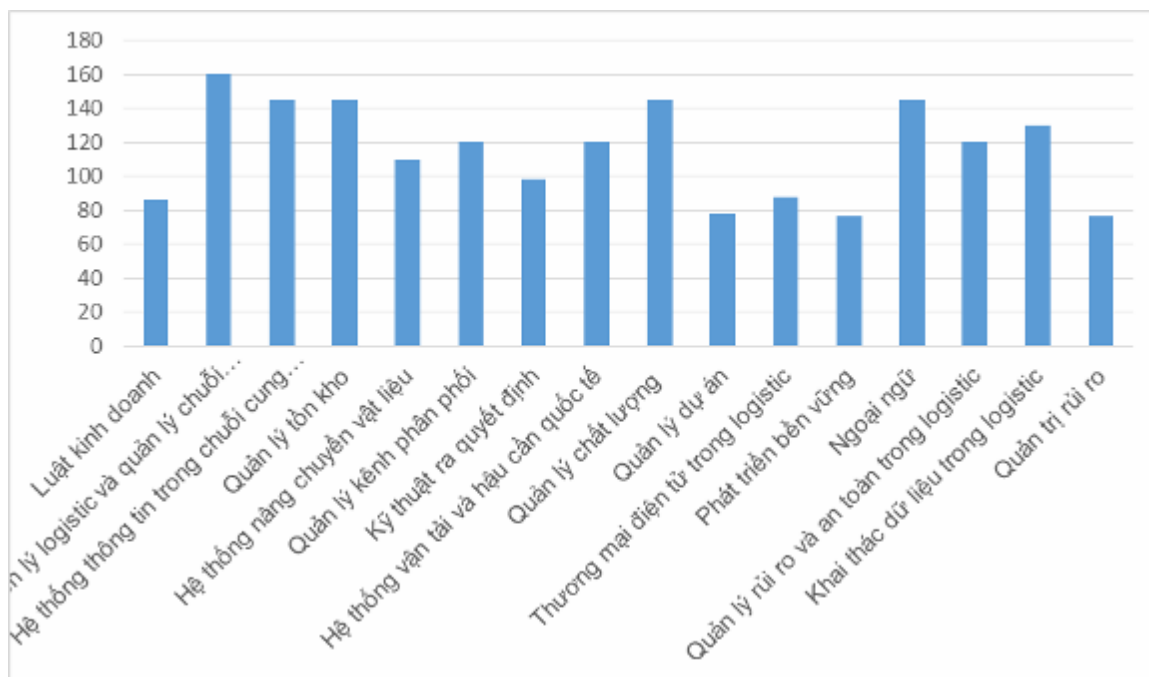
Theo những người được điều tra, để có được những năng lực chung và cụ thể như trên, các phương pháp dạy học nên tập trung vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với đào tạo thực tế, nghiên cứu trường hợp, thực tập tại các công ty dịch vụ logistics và các dự án/tổ chức nghiên cứu và phát triển. Kết quả này rất quan trọng cho việc phát triển phương pháp đào tạo khi phát triển chương trình đào tạo Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Chương trình đào tạo cần được bổ sung thêm các học phần thực tế để tăng cường khả năng thực hành cho sinh viên.



Biểu đồ 7: Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng

(iv).8. Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất

Để đạt được năng lực chủ yếu trên, người trả lời đề xuất các khối kiến thức chính trong chương trình đào tạo là Nguyên lý logistic và quản lý chuỗi cung ứng, quản lý chất lượng và quản lý rủi ro và an toàn. Ngoại ngữ là một trong những học phần vô cùng quan trọng với ngành logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Đây là gợi ý quan trọng, làm nền tảng để chọn các học phần trong chương trình đào tạo.



Biểu đồ 8: Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất

(iv).9 Nhu cầu và khả năng tiếp nhận sinh viên thực tập

Có 86% người trả lời nói rằng họ sẵn sàng tiếp nhận sinh viên đến thực tập, thực hành trong đơn vị/công ty của họ. Kết quả này rất quan trọng đối với nhóm phát triển chương trình đào tạo để có thể xem xét học phần thực tế trong chương trình đào tạo như thực tập nghề nghiệp hoặc các chuyến đi thực địa. Việc có cơ hội thực tập nhằm mục đích phát triển khả năng làm việc của sinh viên sau khi ra trường. Có 40% số người được hỏi cho biết họ có thể nhận sinh viên thực tập để thực tập, đào tạo để tìm kiếm nhân viên giỏi. Một số người trong số họ nhận sinh viên để thực tập dưới hình thức quan sát trong một khoảng thời gian mà thôi. Thời gian thực tập tốt nhất là từ 2 đến 5 tháng.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA KẾ TOÁN & QTKD

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

2.1 GIỚI THIỆU VỀ KHOA

Về lực lượng cán bộ hiện tại, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh là khoa lớn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam về quy mô sinh viên và đội ngũ cán bộ giảng dạy có chất lượng. Hiện nay Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh có 66 giảng viên, trong đó 7 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 20 tiến sỹ, 18 giảng viên đang học tiến sỹ. Đáng chú ý là các giảng viên có nhiều giảng viên được đào trình độ Tiến sỹ, Thạc sỹ được đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của Khoa. Các Tiến sỹ, Thạc sỹ được đào tạo trong nước đều là những giảng viên đã có kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu. Vì vậy, đội ngũ giảng viên của Khoa hoàn toàn có thể đảm nhận giảng dạy chương trình cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định Học viện tại Quyết định 340/QĐ-HVN, Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31/12/2015 của Giám đốc Học viện, đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của chuyên ngành đào tạo trong khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

- Có 10 giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ và có 01 tiến sỹ ngành gắn với ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Các giảng viên đều có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học trên 05 năm và có hơn 02 hai công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đã công bố trong 05 năm tính đến tháng 10/2019.

- Các giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của khoa có hàng trăm công trình được công bố trên các tạp chí có phản biện độc lập, có uy tín trong và ngoài nước. Trong vòng 3 năm trở lại đây, trung bình mỗi năm có 25 công trình nghiên cứu được công bố.

- Khoa có nhiều kinh nghiệm và có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, như chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ QTKD, chương trình tiên tiến QTKDNN, chương trình POHE, và 7 chương trình đào tạo đại học. Khoa cùng với Khoa Công nghệ Thực phẩm đã xây dựng và thực hiện đào tạo chương trình cử nhân Công nghệ và Kinh doanh thực phẩm.

Bảng 1 : Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

STT	Họ và tên GV	Tên ngành đào tạo tiến sĩ (cùng ngành/ngành gần)	Tên ngành đào tạo thạc sĩ (cùng ngành/ngành gần)	Tên 02 công trình NCKH thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo đã công bố từ năm 2015	
				Năm, Tên công trình thứ 1, Nơi công bố	Năm, Tên công trình thứ 2, Nơi công bố
1	Bùi Thị Nga	Ngành: Khoa học nông học và công nghệ sinh học Tên luận án: Cost monitoring in dairy farms to promote the value chain of fresh milk in North Vietnam Giảng dạy môn học: Quản trị chuỗi cung ứng		2017. Upgrading the Milk Chain in Ly Nhan District, Ha Nam Province of Vietnam, Scholars Journal of Economics, Business and Management,	2018. An Analysis of the Linkages in the Fresh Milk Chain of Viet Nam, Greener Journal of Business and Management Studies Vol. 8(2), pp. 010-017
2	Nguyễn Quốc Chính	Ngành: Quản lý phát triển Hướng nghiên cứu chính: Quản trị chuỗi cung ứng, liên kết hợp tác kinh tế, chuỗi giá trị Giảng dạy môn học: Quản trị chuỗi cung ứng		2018. Các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ gia cầm theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. NXB Học viện Nông nghiệp.	2017. Quản lý liên kết dọc theo chuỗi sản phẩm xuất khẩu: Trường hợp ngành cá Tra tại tỉnh An Giang. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 18(658), tháng 5/2017.
3	Đỗ Văn Viện	Ngành: Tổ chức kinh tế Hướng nghiên cứu chính: Quy hoạch phát triển, hiệu quả logistics, quản trị hợp tác xã		2018. Các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ gia cầm theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. NXB Học viện Nông nghiệp.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Hạ tầng cơ sở và năng lực quốc gia về Logistics của Việt Nam" Nhóm tác giả: Nguyễn Hải Núi, Nguyễn Quốc Chính, Đỗ Văn Viện

4	Nguyễn Hải Núi	Ngành: Kinh tế phát triển Hướng nghiên cứu chính: phát triển sinh kế, sinh kế bền vững, dịch vụ hậu cần, logistics Giảng dạy môn học: Quản trị chuỗi cung ứng		2018. Các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ gia cầm theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. NXB Học viện Nông nghiệp.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Hạ tầng cơ sở và năng lực quốc gia về Logistics của Việt Nam" Nhóm tác giả: Nguyễn Hải Núi, Nguyễn Quốc Chính, Đỗ Văn Viện
5	Lê Thị Kim Oanh	Ngành: Khoa học nông học và kỹ thuật sinh học Tên luận án: The contract farming as a determinant promoting tea production and marketing at farm household in Vietnam: a case study in Phu Tho province. Giảng dạy môn học: Quản trị chuỗi cung ứng		2016. Influence of contract farming on black tea value chain: A case study in Phu Tho province, Vietnam. Proceedings of the International conference on Agriculture development in the context of international integration: opportunities and challenges (ICOAD 2016), VNUA, ISBN 978-604-924-245-8, p334-349.	2018. Thúc đẩy chuỗi giá trị chè đen thông qua sản xuất theo hợp đồng tại tỉnh Phú Thọ. Kỷ yếu Hội nghị KH&CN chuyên ngành TT&BVTV 6-7/9/2018. Viện KHNNVN ISBN:978-604-973-176-1
6	Đông Đạo Dũng		Ngành: Marketing và phân phối thực phẩm Hướng nghiên cứu chính: Hợp đồng nông nghiệp, chuỗi liên kết dọc, thương mại	2018. Các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ gia cầm theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. NXB Học viện Nông nghiệp.	2017. Quản lý liên kết dọc theo chuỗi sản phẩm xuất khẩu: Trường hợp ngành cá Tra tại tỉnh An Giang. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 18(658), tháng 5/2017.

7	Đoàn Thị Ngọc Thúy		Ngành: Quản lý và phát triển nông thôn Hướng nghiên cứu chính: Quản lý nông thôn, chuỗi cung ứng ngắn, quản trị doanh nghiệp	2018. Các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu thụ gia cầm theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. NXB Học viện Nông nghiệp.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản: một cách tiếp cận phát triển kinh tế, xã hội, môi trường bền vững" Nhóm tác giả: Bùi Thị Nga, Đoàn Ngọc Thúy, Lê Thị Kim Oanh
8	Lê Thanh Hà		Ngành: Quản trị kinh doanh Nông nghiệp và Lâm nghiệp Hướng nghiên cứu chính: Kiểm toán doanh nghiệp, chuỗi giá trị nông sản thực phẩm	2015. Các yếu tố ảnh hưởng tới chuỗi giá trị sản phẩm đặc sản ổi Đông Dư. Tạp chí KH&PT. ĐHNHN, Tập 10, số 2.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Kiểm toán hoạt động - công cụ nâng cao hiệu quả hoạt động logistics trong doanh nghiệp vừa và nhỏ" Nhóm tác giả: Lê Thanh Hà, Lại Phương Thảo, Bùi Hồng Quý
9	Lại Phương Thảo		Ngành: Quản trị kinh doanh Hướng nghiên cứu chính: Kiểm toán doanh nghiệp, hải quan, chuỗi giá trị	2015-2016. Liên kết trong sản xuất ngô làm TACN ở tỉnh Sơn La. Đề tài cấp tỉnh, Tham gia.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Kiểm toán hoạt động - công cụ nâng cao hiệu quả hoạt động logistics trong doanh nghiệp vừa và nhỏ" Nhóm tác giả: Lê Thanh Hà, Lại Phương Thảo, Bùi Hồng Quý
10	Bùi Hồng Quý		Ngành: Kinh tế nông nghiệp Hướng nghiên cứu chính: Thương mại, chuỗi cung ứng ngắn, marketing nông nghiệp, hợp tác xã	2018. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của nông dân trồng rau CNC trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đề tài cấp HV, chủ nhiệm.	2020. Tên bài báo dự kiến*: "Kiểm toán hoạt động - công cụ nâng cao hiệu quả hoạt động logistics trong doanh nghiệp vừa và nhỏ" Nhóm tác giả: Lê Thanh Hà, Lại Phương Thảo, Bùi Hồng Quý

2.2 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Cán bộ giảng dạy trong Khoa Kế toán và QTKD đã và đang tham gia nhiều chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện; liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, các địa phương và các cơ quan Trung ương để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và chuyển giao, các dự án và chương trình phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và khu vực doanh nghiệp. Các nghiên cứu tập trung vào các chính sách vĩ mô, các vấn đề lý luận và thực tiễn của quản trị và quản lý, quản trị kinh doanh, phát triển nông nghiệp và nông thôn; tài chính, tín dụng nông thôn, tài chính vi mô, kế toán công, kinh tế sản xuất, marketing và marketing nông nghiệp; kinh tế hội nhập, kinh tế tài nguyên và môi trường, phát triển nông thôn, khuyến nông.

Các đề tài, dự án khoa học và các công bố tiêu biểu gần đây thuộc 5 lĩnh vực nghiên cứu khoa học kinh tế và quản trị kinh doanh, trong đó có nhiều bài được viết bằng tiếng Anh công bố ở nước ngoài (bao gồm tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu nghiên cứu khoa học, các Hội thảo quốc tế). Trong số hàng trăm đề tài, dự án khoa học được thực hiện thành công có nhiều dự án quốc tế.

Các đề tài nghiên cứu khoa học

Bảng 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
I. Đề tài cấp bộ				
1	Nghiên cứu mô hình bài toán tối ưu về vay vốn tín dụng cấp hộ nông dân/hộ trang trại	Bộ GD&ĐT, B2008-11-88		Tốt
2	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bộ GD&ĐT, B2009-11-138	2693/QĐ-BGDĐT ngày 01/7/2011	Tốt
3	Sự đóng góp của người dân trong tài chính	Bộ GD&ĐT,		Tốt

	công cấp cơ sở ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng	B2009-11-126		
4	Đánh giá tác động của suy thoái kinh tế đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở một số tỉnh phía Bắc	Bộ GD&ĐT, B2010-11-180	1766/QĐ-BGDĐT ngày 11/05/2012	Tốt
5	Xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế quản lý cấp cơ sở (xã, phường) cho phát triển nông nghiệp, nông thôn ở một số tỉnh Đồng bằng Sông Hồng	Bộ GD&ĐT, B2010-11-178		Tốt
6	Kết nối sản xuất của hộ nông dân với thị trường ở khu vực trung du miền núi Đông Bắc Việt Nam	Bộ GD&ĐT, B2011-1109	4881/QĐ-BGDĐT	Tốt
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực (đất đai, lao động, vốn và trình độ đào tạo) đến thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam	Bộ GD&ĐT, 2015-2016		Tốt
8	Nghiên cứu cơ cấu tiêu dùng của thị trường nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và giải pháp chiếm lĩnh thị trường cho các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ GD&ĐT, B2012-11-21	6002/QĐ-BGDĐT Ngày 16-12/2014	Tốt

9	Đánh giá nguồn lực và đề xuất giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi	Bộ GD&ĐT, 2015-2016		Khá
10	Các giải pháp nhằm phát triển nghề trồng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội	Bộ GD&ĐT , B2007-11-67TĐ		Tốt
11	Nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất-tiêu thụ sản phẩm trong trồng trọt, lâm nghiệp và thủy sản	Đề tài cấp bộ Nông nghiệp và PTNT, 2016-2017		Tốt
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực tới thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam	Bộ GD&ĐT, 2013-2015		Tốt
13	Khả năng ứng phó của người nghèo đối với rủi ro thiên tai và các tác động kinh tế xã hội bất lợi	Đề tài cấp nhà nước, 2012-2014		Tốt
14	Tác động của suy thoái kinh tế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội	Bộ GD&ĐT, 2010- 2011		Tốt
15	Các hình thức liên	Đề tài cấp Bộ NN và		Tốt

	kết hợp tác trong sản xuất nông nghiệp	PTNT, 2016-2017		
II. Đề tài liên kết với địa phương (đề tài cấp tỉnh)				
1	Xây dựng mô hình và tổ chức tư vấn chuyển giao mô hình vay vốn tín dụng hợp lý tại cấp hộ nông dân/hộ trang trại	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Hoà Bình, 2008		Khá
2	Đánh giá môi trường đầu tư và đề xuất các giải pháp nhằm thu hút đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội	Sở KHCN Hà Nội, 01X-07/12-2008-2	Nghiệm thu ngày 11/9/2009	Khá
3	Các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực trẻ tỉnh Hòa Bình	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Hoà Bình, 2008		Tốt
4	Xây dựng và chuyển giao mô hình liên kết 4 nhà cho các sản phẩm chủ yếu trong các vùng sản xuất hàng hóa tỉnh Sơn La	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Sơn La		Khá
5	Rà soát điều chỉnh và xây dựng quy hoạch nông lâm thủy sản tỉnh Cao Bằng đến 2020, định hướng đến 2030.	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Cao Bằng		Tốt
III. Đề tài dự án song phương				
1	Nghiên cứu chất lượng cung ứng và quản lý dịch vụ công chủ yếu trong nông thôn các	ĐH Nông nghiệp Hà Nội -Đề tài dự án TRIG (WB), 2009		Tốt

	tỉnh đồng bằng sông Hồng			
2	Nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn trong bối cảnh hội nhập	ADB và Bộ GD&ĐT, 2008-2009		Tốt
3	Nghiên cứu hiệu ứng bốc hơi lan truyền trên thị trường vàng thế giới và các thị trường chứng khoán đang nổi ở khu vực ASEAN	ĐH Nông nghiệp Hà Nội -TTRIG2009	Nghiệm thu ngày 30/06/2011	Suất sắc
4	Sản xuất và tiêu thụ sữa tươi ở miền Bắc, Việt Nam	Thuộc chương trình hợp tác Việt Nam- Bỉ tài trợ (thực hiện tại Trường Đại học Nông nghiệp), 2011-2012		Tốt
5	Tiềm năng và cơ hội thị trường của lợn bản ở miền Bắc, Việt Nam	Hợp tác quốc tế theo hợp đồng nghiên cứu với Viện chăn nuôi Quốc tế, 2013		Tốt
6	Preferences for Ban Pork at Retail level in Vietnam	Institute of Animal Production in the Tropics and Subtropics, University of Hohenheim (480A), Stuttgart, Germany, 2010-2012		Tốt
7	Studie über Verbraucher in Vietnam (Study on food requirements of consumers in	Bộ nông nghiệp CHLB Đức, 2013		Tốt

	Vietnam).			
8	Planning for Land Use of Upland Crop in Phan Ri - Phan Thiet Irrigation Area, Binh Thuan Province	JICA , 4-9/2016		Tốt
9	Survey on Promising Agricultural Products in Ha Nam Province	JICA , 6-8/2016		Tốt
10	Chính sách đất đai và phát triển nông nghiệp Việt Nam	Ausaid , 2002-2004		Tốt
11	Phát triển chăn nuôi bò sữa tại ngoại thành Hà nội, ô nhiễm môi trường và các giải pháp giảm thiểu	EEPSEA , 2004		Tốt
12	Ứng phó của người dân với mực nước biển dâng tại xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, Nam Định	EEPSEA, 2006		Tốt
13	Nghiên cứu các hình thức liên kết, hợp tác trong phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Thái bình	Sở KHCN Thái Bình, 2016-2017		Tốt
14	Giám sát chi phí để thúc đẩy giá trị gia tăng cho các trang trại nuôi ngao miền	Dự án Bỉ, 2014		Tốt

	Bắc Việt Nam			
15	Cung cấp các khóa đào tạo về chuỗi giá trị và chuỗi liên kết cho các đối tác liên quan tại phía Bắc Việt nam	Dự án Bỉ, 2016		Tốt
16	Cải thiện sức khỏe và sức sản xuất cho đàn bò sữa tại Việt Nam	Dự án Úc, ACIAR AH/2016/020		Tốt
17	Tăng cường năng lực cho hệ thống lương thực nhạy cảm về dinh dưỡng thông qua phương pháp tiếp cận đa bên (liên quan đến khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội dân sự và học viện)	FAO (GCP /GLO/712/JPN), 2016-2018		Chưa nghiệm thu
18	“Đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ theo chương trình mở và từ xa (online) chuyên ngành Phát triển du lịch bền vững tại Trung Quốc, Việt Nam và Kyrgyzstan”	ERASMUS+, 573897-EPP-1-2016-BG-EPPKA2-CBHE-JP		Chưa nghiệm thu
	Đề tài cấp học viện			
1	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia thị trường của các hộ chăn nuôi gà Hồ trên	2016		Tốt

	địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh			
2	Vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về nông nghiệp (IAS 41) trong doanh nghiệp nông nghiệp: Nghiên cứu trường hợp Công ty TNHH Giống Thủy sản Hải Long	3/2017-3/2018		Tốt
3	Xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất ngô làm thức ăn chăn nuôi ở tỉnh Sơn La	10/2015-12/2016		Tốt
4	Giải pháp phát triển mô hình nuôi rươi trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	1/2016-12/2016		Tốt
5	Xây dựng hệ thống kế toán quản trị theo quy trình sản xuất tại Công ty TNHH Giống Thủy sản Hải Long	9/2015-9/2016		Tốt
6	Hoàn thiện hệ thống tin kế toán phục vụ cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ	9/2013-9/2014		Tốt
7	Nghiên cứu tổ chức hệ thống kiểm soát	11/2008-11/2009		Tốt

	nội bộ về tài chính của Trường Đại học Nông Nghiệp Hà Nội đối với các Trung tâm, Viện trực thuộc			
8	Nghiên cứu năng lực làm việc của sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong các doanh nghiệp tại Hà Nội	2016		Khá
9	Nâng cấp chuỗi giá trị sữa tại Tỉnh Hà Nam	2017		Tốt

2.3 CÁC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO

Bảng 3. Các hội nghị, hội thảo của Khoa

STT	Tên hội thảo	Thời gian	Chủ trì	Đối tượng và số lượng tham gia
1	Nghiên cứu về Kinh tế phát triển	15/12/2009	GS. Ian Coxhead, Đại học Wisconsin	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 30 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 30
2	Hợp tác xã ở Mỹ	29/01/2010	GS.Brent Hueth, Đại học Wisconsin	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 30 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 30
3	Thuế và sự phát triển của thuế ở Việt Nam	15/05/2010	GS. Trần Nam Bình, Đại học New SouthWales	- Cán bộ giảng dạy: 10 - Sinh viên lớp tiên tiến: 17
4	Phương pháp giáo dục và học tập	29/05/2010	GS. Julian Becker, Đại học Lincoln, New Zealand	- Sinh viên lớp tiên tiến và sinh viên trong trường: 70
5	Khóa học về Thuế	10/05/2010 - 14/05/010	GS. Trần Nam Bình, Đại học New SouthWales	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 20 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20
6	Future Market and Impact of Speculator on Prices	01/09/2010	Gs. Randy Fortenbery	Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 20 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến
7	“Interdisciplinary Research Opportunities for Agricultural	28/10/2010	Gs. Paul Mitchell	- Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến

	Economists”			
8	Workshop on Development of Agricultural business in Global integration era	11.12.2010	Gs. Randy Fortenbery Gs. John Forster Gs. Nguyen Quoc Vong Một số GV khoa KE & QTKD	- BGH - Khoa KE & QTKD - Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
9	Fair Trade/Organic Coffee, Rural Livelihoods, and Poverty: Southern Mexican Coffee Families in Transition	23/02/2011	Gs. Barham Braford Lewis Đại học Wisconsin-Madison	- Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến
10	The value of secure property Rights: Evidence From Fisheries	17/05/2011	Prof .Dr. Corbett Grainger	- Khoa KT & PTNT
11	Educational & cultural exchange between Kagoshima university’s students and HUA	21/09/2011	Kagoshima University HUA	- Kagoshima University - QTKDT 54
12	“STUDY AT AGRICULTURAL FACULTY OF HUMBOLT UNIVERSITY AT BERLIN	22/09/2011	Gs. Ts. Matthias Dennhardt	- QTKDT 55 - Khoa KE & QTKD
13	“PRICING	09/01/2012	Gs. Ts. Pravat K.	- Khoa KE & QTKD

	STRATEGY FOR RECESSION AND RECOVERY”		Choudhury (ĐH Howard)	- Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
14	“WTO Agriculture negotiations”	16/02/2012	Andrew G. Stephens Du An Ho Tro Thi Hanh Phap Luat Ve Hoi Nhap Kinh Te (USAID STAR Plus)	- Khoa KE & QTKD - Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
15	Xây dựng sổ tay chương trình đào tạo ngành Công nghệ và KD Thực phẩm	5/11/2017	GS. Noel Wood, UCC, Ireland	- Khoa KE & QTKD - Khoa CNTP - SV CTTT QTKDNN

2.4 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

2.4.1 Cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ học tập

Học viện có cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo các chuyên ngành toàn Học viện. Đề án lấy cơ sở vật chất chung của nhà trường để tổ chức đào tạo.

Lớp học lý thuyết và các phương tiện nghe nhìn trong phòng: Hệ thống Giảng đường và phương tiện hỗ trợ cho đào tạo sau đại học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam đang sử dụng.

Phòng thực hành máy tính: được chia làm hai nhóm: khu vực do Khoa Tin học quản lý và khu vực do Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh quản lý. Hiện tại mỗi khu vực có thể cho phép hàng trăm sinh viên đồng thời thực hành các phần mềm cơ bản và chương trình chuyên ngành. Trong các phòng máy tính này cũng được nối mạng để người học trao đổi và tìm kiếm thông tin trên mạng.

Máy tính cho giảng viên và trợ giảng: hiện tại các máy tính có thể nối mạng theo cáp và không dây với mạng internet nội bộ và bên ngoài.

Bảng 4. Thiết bị phục vụ cho đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Amlí Califor 128B	KOREA, 2009	2	
2	Bàn Elip-HPhát 2000Wx1000Dx750H	Việt Nam, 2008	2	
3	Bàn họp Elip-Hoà Phát	Việt Nam	1	
4	Bàn họp gỗ CN sơn PUHP 1500x500x750	Việt Nam, 2008	20	
5	Bàn họp gỗ CN sơn PUHP 1800x500x750	Việt Nam, 2008	2	
6	Bàn máy tính Xuân Hoà	Việt Nam	1	
7	Bàn máy tính chân sắt	Việt Nam, 2014	26	
8	Bàn phòng máy tính, Model: TAB-14-07IB/HBS-3N	Việt Nam, 2013	3	
9	Bàn sắt 1500x750x750	Việt Nam, 2008	3	
10	Bàn gỗ dán, kính	Việt Nam, 2008	1	
11	Bàn vi tính 1000wx600Dx6000H	Việt Nam, 2008	92	
12	Bàn Xuân Hoà	Việt Nam	4	
13	Bảng Fooc trắng khung nhôm	Việt Nam, 2008	5	
14	Bảng nỉ chân nhôm	Việt Nam, 2008	1	
15	Bảng nỉ khung nhôm	Việt Nam, 2008	5	
16	Bục để tượng Bác CN MDF	Việt Nam, 2008	1	
17	Bục gỗ CN MDF nói chuyện	Việt Nam, 2008	1	
18	Cáp Hthảo (10m/cuộn)	Trung Quốc, 2008	1	
19	Cáp loa (2x0,75/m)	Trung Quốc, 2008	80	
20	Dây Loa	Việt Nam, 2009	60	
21	Đèn Bàn	Việt Nam, 2010	1	
22	Điện thoại bàn Panasonic	Malay, 2008	4	
23	Điều hoà Daikin	Nhật Bản, 2009	6	
24	Điều hoà LG	Nhật Bản, 2009	3	
25	Điều hoà Panasonic	Malay, 2008	1	
26	Điều hoà Samsung	Việt Nam	2	
27	Điều hoà Mitshubishi	Malay, 2008	2	
28	Ghế gỗ đệm nỉ Hoà Phát	Việt Nam	70	

29	Ghế mạ Xuân Hoà	Việt Nam	34	
30	Ghế phòng máy tính	Việt Nam, 2013	3	
31	Ghế tựa Xuân Hoà	Việt Nam	20	
32	Ghế xoay Hoà Phát	Việt Nam	1	
33	Ghế xoay hơi đệm ni Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
34	Ghế xoay Xuân Hoà	Việt Nam	3	
35	Giá Treo Loa	Việt Nam, 2009	2	
36	Gương tường	Việt Nam, 2009	3	
37	Hệ thống âm thanh phòng hội thảo Âm li + Micrro (có dây + không dây)	Việt Nam, 2014	1	
38	Hòm thư sinh viên	Việt Nam, 2008	1	
39	Kệ treo Tài liệu 1000Wx350Dc600H	Việt Nam, 2008	18	
40	Két bạc	Việt Nam, 2008	1	
41	Loa Bose 301	MEXICO, 2009	2	
42	Loa cột	Trung Quốc, 2008	4	
43	Màn chiếu Herin	Trung Quốc, 2010	1	
44	Máy ảnh Canon	Nhật Bản, 2009	1	
45	Máy quay video Panasonic	Trung Quốc 2012	1	
46	Máy chiếu Panasonic	Nhật Bản, 2008	18	
47	Máy chiếu Sony	Nhật Bản, 2008	7	
48	Máy Fax Panasonic	Thái Lan, 2008	1	
49	Máy IBM ThinkPad X60 Tablet	Trung Quốc, 2009	1	
50	Máy in EPSON	Trung Quốc, 2010	1	
51	Máy in HP 1320	Trung Quốc	1	
52	Máy in HP laseJet P2015	Trung Quốc, 2008	1	
53	Máy in HP-P2015	Trung Quốc, 2008	8	
54	Máy in Laser đen trắng, Model: M401DN	Việt Nam, 2013	2	
55	Máy Photocopy Ricoh	Hàn Quốc, 2008	1	
56	Máy tính bàn CMS	Việt Nam, 2008	12	
57	Máy tính thực hành môn học chuyên ngành	Việt Nam, 2013	94	
58	Máy tính xách tay HP	Trung Quốc, 2008	4	
59	Máy tính xách tay Lenovo	Trung Quốc, 2009	4	
60	Máy tính xách tay Tosiba	Trung Quốc, 2008	1	
61	Megapower USB M1930	Trung Quốc, 2009	1	
62	Micro chủ tịch	Trung Quốc, 2008	1	
63	Micro Shure không dây	MEXICO, 2009	2	
64	Miicro đại biểu	Trung Quốc, 2008	11	
65	Ổ cứng cắm ngoài HDD 320G	Trung Quốc, 2009	2	

66	Ổ cứng cắm ngoài HDD 500G	Trung Quốc, 2009	1	
67	Ổn áp Lioa	Việt Nam	1	
68	Ổn áp-UPS Santak	Việt Nam, 2008	5	
69	Phòng HT ĐL12000x4100	Việt Nam, 2008	1	
70	Phòng trang trí HT nhung ĐL	Việt Nam, 2008	1	
71	Quạt bàn	Việt Nam, 2010	2	
72	Quạt trần điện cơ 1,4m	Việt Nam	17	
73	Quạt treo tường Senko	Malay, 2009	3	
74	Tivi Plasma Toshiba	Việt Nam, 2008	2	
75	Tăng âm công suất	Trung Quốc, 2008	1	
76	Tăng âm trung tâm	Trung Quốc, 2008	1	
77	Tủ HS 2 cánh	Việt Nam	1	
78	Tủ HS kính Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
79	Tủ HS sắt Hoà Phát	Việt Nam, 2008	2	
80	Tủ HS sắt kính Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
81	Tủ HS Xuân Hoà	Việt Nam,	1	
82	Tủ Inox	Việt Nam, 2009	1	
83	Tủ lạnh Funiki	Nhật Bản, 2007	1	
84	Tủ lạnh Sanyo	Việt Nam, 2007	1	

2.4.2 Hệ thống thư viện, phòng đọc và tài liệu học tập:

Người học có thể sử dụng hai cơ sở: Thư viện Lương Định Của và thư viện của Khoa. Đặc biệt thư viện của Khoa với hàng chục nghìn đầu sách khác nhau cả sách tiếng Việt, tiếng Anh và các ngoại ngữ khác phục vụ cho các chuyên ngành của Khoa. Hệ thống thư viện mới được nâng cấp về cách tra cứu, mượn và hoàn trả sách và tài liệu một cách nhanh chóng và tiết kiệm. Thư viện và phòng tư liệu chuyên môn với số lượng sách cập nhật và bổ sung hàng năm rất lớn tài liệu chuyên môn dành riêng cho Khối Kinh tế - Kinh doanh, Kế toán được bổ sung từ 2004 trở lại đây, trong đó có hàng trăm tài liệu tiếng Anh).

Bảng 5. Tài liệu tham khảo hiện có trong thư viện

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách tạp chí
1	Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức	2011	1	Quản trị nhân lực
2	Quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp VN	2013	4	Quản lý chất lượng
3	Quản trị chiến lược	2011	1	Quản trị chiến lược
4	Quản trị chiến lược (bài tập và nghiên cứu tình huống)	2011	1	Quản trị chiến lược
5	Quản trị chiến lược trong toàn cầu hóa kinh tế	2010	2	Quản trị chiến lược
6	Quản trị chuỗi cung ứng: những trải nghiệm tuyệt vời	2013	1	Logistics
7	Quản trị cung ứng	2011	2	Quản lý chuỗi cung ứng
8	Quản trị dự án: thiết lập dự án đầu tư	2010	2	Quản lý dự án
9	Quản trị kinh doanh quốc tế	2010	1	Kinh doanh quốc tế
10	Quản trị kinh doanh quốc tế: giáo trình cao học	2012	3	Kinh doanh quốc tế
11	Quản trị marketing định hướng giá trị	2012	2	Logistics trong thương mại điện tử
12	Quản trị nguồn nhân lực	2011	1	Quản lý nhân lực
13	Quản trị nhân lực: thấu hiểu từng người trong tổ chức	2010	1	Quản lý nhân lực
14	Tài chính doanh nghiệp	2010	1	Tài chính tiền tệ
15	Thanh toán quốc tế: các nguyên tắc và thực hành	2012	3	Thanh toán quốc tế
16	Quản trị dự án hiện đại	2010	1	Quản lý chuỗi cung

				ứng
17	Quản trị kênh phân phối	2011	1	Quản lý kênh phân phối
18	Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh để hội nhập toàn cầu	2012	3	Kỹ năng giao tiếp
19	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2012	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QTKD
20	Quan hệ kinh tế quốc tế	2010	3	Logistics quốc tế
21	Phân tích và dự báo kinh doanh	2011	4	Kinh doanh quốc tế nâng cao
22	Steve Jobs-những bí quyết đổi mới và sáng tạo	2012	1	Logistics trong thương mại điện tử
23	Chiến lược marketing hoàn hảo	2013	2	Marketing căn bản
24	Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	2010	1	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
25	Kinh tế học bền vững	2011	3	Toán kinh tế
26	Những kỹ năng trọng điểm dành cho giám đốc doanh nghiệp	2013	1	Quản lý nhân lực
27	Bí quyết điều hành quản lý doanh nghiệp	2013	2	Quản trị chiến lược
28	Tin học ứng dụng: excel ứng dụng trong phân tích: đầu tư và tài chính	2011	2	Quản trị tài chính
29	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2011	2	Phương pháp nghiên cứu KH
30	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2010	1	Phương pháp nghiên cứu KH

				trong QTKD
31	Bộ sách xây dựng kế hoạch marketing hoàn hảo	2012	3	Marketing căn bản
32	Phân tích báo cáo tài chính	2011	3	Thông tin kế toán
33	Thanh toán quốc tế trong ngoại thương: tài trợ thương mại quốc tế	2012	3	Quản trị tài chính
34	Bộ sách xây dựng kế hoạch marketing hoàn hảo (tập 2)	2012	3	Marketing
35	Bộ sách xây dựng kế hoạch marketing hoàn hảo (tập 1)	2012	3	Marketing
36	Marketing quốc tế	2012	2	Kinh doanh quốc tế nâng cao
37	Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới	2011	2	Marketing
38	Tinh hoa lãnh đạo	2011	3	Quản lý nhân lực nâng cao
39	Phát triển và biến đổi khí hậu	2010	2	MT&lợi thế cạnh tranh của DN
40	Chiến lược : chính sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về một số vấn đề nổi bật của khu vực	2013	3	Quản trị chiến lược
41	Giáo trình hành vi người tiêu dùng	2010	1	Marketing
42	Cẩm nang điều hành doanh nghiệp vừa và nhỏ	2012	3	Quản lý nhân lực nâng cao
43	Đầu tư quốc tế	2013	2	Kinh doanh quốc tế
44	Hướng dẫn chi tiết cách lập đề xuất kinh doanh hiệu quả và thành công	2010	2	Kinh doanh quốc tế

2.4.3 Không gian sống và điều kiện sinh hoạt

Khu ký túc xá sau đại học được đánh giá là ký túc xá có chất lượng cao trong các trường đại học ở Hà Nội. Học viện có không gian tốt, vệ sinh, an toàn cao, cảnh quan môi trường sinh thái tốt. Cơ sở vật chất phục vụ đời sống, hoạt động ngoại khóa như: nhà thi đấu, sân vận động khu công viên vui chơi giải trí cho người học và giáo viên. Khu dịch vụ ăn uống thuận tiện.

Kết nối giao thông của Học viện với Trung tâm Hà Nội và các tỉnh lân cận rất thuận lợi. Hiện nay Học viện có 02 tuyến xe Bus 11 và 59 vào gần giảng đường. Từ Học viện đến các nút giao thông trung tâm thành phố Hà Nội rất thuận tiện như nút cầu Thanh Trì, Vĩnh Tuy,... kết nối với các tiện ích đô thị khác cũng rất thuận lợi bao gồm các khu đô thị, trung tâm thương mại,... Học viện Nông nghiệp Việt Nam thực sự là nơi đào tạo và nghiên cứu hiện đại, văn hoá, tiện ích và môi trường trong lành.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

3.1 CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ ĐÃ THAM KHẢO

- Bộ Tiêu chuẩn AUN – QA (ASEAN University Network);
- Chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Trường Đại học Thương mại, Việt Nam;
- Chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Trường Đại học Quốc Tế, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội;
- Chương trình đào tạo Quản trị Logistics, Trường Đại học Park, Mỹ.

3.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 40 tín chỉ
 - + Khối kiến thức bắt buộc: 36 tín chỉ
 - + Khối kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ, trong đó:
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ bắt buộc
 - + Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 69 tín chỉ, bao gồm 13 tín chỉ thực hành nghề nghiệp và 10 tín chỉ thực tập tốt nghiệp

Tuyển sinh cho chương trình xin mở

Điều kiện dự tuyển: Có bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, có thể tuyển thẳng, xét học bạ hoặc theo điểm thi tốt nghiệp THPT

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp PTTH, THPT hoặc bổ túc THPT tại các trường

Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi):

A00, A09, C20, D01

Dự kiến tuyển sinh 3 năm đầu:

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu của ngành đề nghị đào tạo:

Năm thứ 1 và năm thứ 2: 50-60 sinh viên mỗi năm

Năm thứ 3: 60-80 sinh viên mỗi năm

3.2.1. Mục tiêu

3.2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Logistics và chuỗi cung ứng, có tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc, có khả năng làm việc tập thể, quản lý và huy động các nguồn lực, đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

3.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng:

MT1: Trở thành công dân có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực và yêu nghề, năng động, sáng tạo;

MT2: Vận dụng được các kiến thức quản trị, kinh tế, khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về Logistics và chuỗi cung ứng vào thực tiễn;

MT3: Có năng lực tự học tập suốt đời, tham gia học tập ở bậc học cao hơn và thực hiện các nghiên cứu khoa học;

MT4: Trở thành chuyên viên trong các công ty dịch vụ Logistics, điều phối dịch vụ logistics, đơn hàng, phương tiện vận chuyển, quản lý kho bãi, cung cấp dịch vụ logistics

3.2.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

3.2.2.1. Kiến thức

* Kiến thức chung:

- CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, pháp luật, khoa học chính trị xã hội và nhân văn vào hoạt động nghề nghiệp và đời sống;

* Kiến thức chuyên môn:

- CĐR2: Áp dụng kiến thức về quản trị, kế toán, kiểm toán, tài chính, marketing vào hoạt động thực tiễn trong các tổ chức;

- CĐR3: Phân tích các vấn đề về logistics, quản lý chuỗi cung ứng, kế toán, kinh tế, tài chính, và chính sách tiền tệ để phục vụ vào hoạt động thực tiễn; giải quyết hiệu quả các tình huống cụ thể trong tổ chức và doanh nghiệp;

- CĐR4: Đánh giá chính xác các tác động từ môi trường kinh doanh đến hoạt động dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng

3.2.2.2. Kỹ năng

* Kỹ năng chung:

- CĐR5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh;

- CĐR6: Làm việc nhóm hiệu quả thông qua khả năng phối hợp, giao tiếp và giải quyết vấn đề;

- CĐR7: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp một cách hiệu quả

* Kỹ năng chuyên môn:

- CĐR8: Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin vào xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- CĐR9: Phối hợp các kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra trong tổ chức và doanh nghiệp;

- CĐR10: Thực hiện các nghiên cứu liên quan đến Logistics, quản trị, chuỗi cung ứng, kinh doanh, marketing, tài chính trong tổ chức và doanh nghiệp;

3.2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CĐR11: Thể hiện tinh thần khởi nghiệp và có mục tiêu học tập suốt đời;

- CĐR12: Có trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định và luật trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

3.2.3. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tại các vị trí:

- Nhân viên quản trị kinh doanh dịch vụ vận tải, kinh doanh xuất nhập khẩu, chăm sóc khách hàng trong các công ty dịch vụ logistics.

- Chuyên viên điều phối dịch vụ logistics, điều phối đơn hàng, phương tiện vận chuyển, quản lý kho bãi, quản lý vận chuyển, giám sát đối tác cung cấp dịch vụ logistics trong các công ty sản xuất, kinh doanh.

- Khởi nghiệp sáng tạo và làm chủ các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương; Giảng viên, nghiên cứu viên về lĩnh vực logistics tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, viện, trung tâm nghiên cứu.

* **Cơ quan công tác:**

- Cơ quan kiểm toán nhà nước; tài chính; ngân hàng; kho bạc; thuế;

- Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước;

- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

3.2.4. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, người tốt nghiệp có thể tiếp tục nghiên cứu và học tập các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh, kế toán và các ngành liên quan khác ở trong và ngoài nước.

Bảng 6: Kế hoạch đào tạo

T T	H K	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	LT	T H	Học phần tiên quyết	Mã học phầ n tiên quy ết	Loại tiên quyế t	BB / TC
1	1	SN00010	Tiếng Anh bổ trợ	1	1	0				-
2	1	ML01020	Triết học Mác – Lênin	3	3	0				BB
3	1	ML01009	Pháp luật đại cương	2	2	0				BB
4	1	KQ01211	Quản trị học	3	3	0				BB
5	1	TH01009	Tin học đại cương	2	1.5	0.5				BB
6	1	TH01007	Xác suất-thống kê	3	3	0				BB
7	1	KT02003	Nguyên lý kinh tế	3	3	0				BB
8	1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1				PC/ BB
9	1	QS01001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0				PC/ BB
10	2	SN00011	Tiếng Anh 0	2	2	0				-
11	2	GT01017/ GT1018/ GT 1019/ GT 1020/ GT 1021/GT 1022/GT1 023	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 9 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	1	0	1				BB
12	2	ML01021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0				BB
13	2	KQ02106	Marketing căn bản	3	3	0				BB
14	2	KQ02014	Nguyên lý kế toán	3	3	0				BB
15	2	KQ01220	Nguyên lý logistic	2	2	0				BB
16	2	KQ02303	Tài chính - tiền tệ	3	3	0				BB
17	2	QS01002	Công tác Quốc phòng - An ninh	2	2	0				PC
18	2	KN01001 /KN0100 2/KN010 03/KN01 004/KN0 1005/KN 01006	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 6 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ							PC/ BB

			năng hội nhập quốc tế)							
19	2	KQ01217	Tâm lý quản lý	2	2	0				TC
20	2	KT02011	Toán kinh tế	3	3	0				TC
21	3	MT03066	MT&lợi thế cạnh tranh của DN	2	2	0				BB
22	3	KQ02209	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	Quản trị học	KQ 012 11	2	BB
23	3	SN01032	Tiếng Anh 1	3	3	0	Tiếng Anh 0	SN 000 11	3	BB
24	3	ML01005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0				BB
25	3	KQ03114	Thị trường và giá cả	3	3	0	Marketing căn bản	KQ 021 06	2	BB
26	3	KQ03437	Logistic trong thương mại điện tử	2	2	0				BB
27	3	QS01003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	6						PC/BB
28	3	KQ01218	Khởi nghiệp	2	2	0				TC
29	3	KQ03110	Quản trị chất lượng sản phẩm	3	3	0				TC
30	4	KQ03102	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2	2	0				BB
31	4	SN01033	Tiếng Anh 2	3	3	0	Tiếng Anh 1	SN 010 32	3	BB
32	4	ML01022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0				BB
33	4	KQ03007	Kế toán tài chính	3	3	0				BB
34	4	KQ04974	Thực tập giáo trình 1	6	0	6				BB
35	4	KQ02311	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2	0				BB
36	4	KQ03327	Quản trị kênh phân phối	2	2	0				BB
37	4	QS01004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1	0	1				PCBB
38	4	KQ03337	Marketing dịch vụ	2	2	0				TC
39	4	KQ03400	Thanh toán quốc tế	2	2	0				BB

40	5	KQ03301	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	0	Tài chính - tiền tệ	KQ 023 03		TC
41	5	KQ01219	Tinh thần doanh nhân	2	2	0				BB
42	5	ML01023	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0				BB
43	5	SN03052	Tiếng Anh chuyên ngành KE&QTKD	2	2	0				BB
44	5	KQ02005	Kế toán quản trị	3	3	0	Nguyen lý kế toán	KQ 020 05	2	BB
45	5	KQ03217	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh	2	2	0				BB
46	5	KQ04975	Thực tập giáo trình 2	7	0	7	Thực tập giáo trình 1	KQ 049 74	2	BB
47	5	KQ03202	Kinh tế hợp tác	2	2	0				TC
48	5	KQ03205	Quản lý đầu tư kinh doanh	2	2	0				TC
49	6	KQ03101	Công tác lãnh đạo trong DN	2	2	0				BB
50	6	KQ03215	Quản trị rủi ro	2	2	0				BB
51	6	KQ03438	Quản lý kho hàng và trung tâm logistics	2	2	0				BB
52	6	KQ03210	Quản trị hành chính văn phòng	2	2	0				BB
53	6	KQ03207	Quản trị chiến lược	3	3	0	Quản trị học	KQ 012 11	2	BB
54	6	KQ03427	Hệ thống cơ sở dữ liệu logistic và chuỗi cung ứng	2	2	0				BB
55	6	KQ01221	Dịch vụ bảo hiểm Logistics	2	2	0				BB
56	6	KQ03213	Quản trị nhân lực	3	3	0				BB
57	6	KQ03345	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2	0				TC
58	6	KQ03329	Quản trị bán hàng	2	2	0	Quản trị học	KQ 012 11		TC

59	7	KQ03424	Logistic quốc tế	2	2	0				BB
60	7	KQ03426	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế	2	2	0				BB
61	7	KQ03436	Quản trị vận tải	2	2	0	Quản trị học	KQ 012 11		BB
62	7	KQ03380	Hành vi tổ chức	2	2	0				TC
63	7	KQ03016	Phân tích kinh doanh	3	3	0				TC
64	8	KQ04973	Khóa luận tốt nghiệp	10			Thực tập giáo trình 2	KQ 049 75	2	BB
65	8	KQ03330	Chiến lược quảng bá	2	2	0	Marketing căn bản	KQ 021 06	2	Tự chọn
66	8	KQ03315	Phân tích báo cáo Kế toán	2	2	0	Kế toán quản trị	KQ 020 05	2	Tự chọn
67	8	KQ03349	Định giá tài sản TC	3	3	0				Tự chọn

3.3 MÔ TẢ HỌC PHẦN MÔN HỌC

3.3.1 Các học phần đại cương

GT01016. Giáo dục thể chất đại cương (General Physical Education). (1TC: 0,5- 0,5-3; 45).

Sơ lược lịch sử TDTT và phong trào Olympic/ Lý luận và phương pháp GDTC. Các biện pháp phòng ngừa, khắc phục chấn thương trong tập luyện và thi đấu. Kế hoạch tập luyện TDTT. Kiểm tra và tự kiểm tra y học. Phát triển thể lực chung, phát triển sức bền.

GT01017. Điền kinh (Athletics). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Điền kinh, Luật Điền kinh. Các kỹ thuật cơ bản: cách đóng bàn đạp, xuất phát, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quãng và về đích (chạy 100 mét), chạy đà, giậm nhảy, trên không và tiếp đất (nhảy xa kiểu ngồi). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

GT01018. Thể dục Aerobic (Aerobic Gymnastics). (1TC:0-1-3; 45).

Lịch sử phát triển, vị trí, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của Thể dục Aerobic; Đội hình đội ngũ; 7 bước cơ bản của Thể dục Aerobic; Bài tập thể dục Aerobic; Phát triển tố chất sức mạnh, khả năng phối hợp vận động.

GT01019. Bóng đá (Football). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng đá. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng đá. Luật Bóng đá. Các kỹ thuật cơ bản: đá – nhận bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu trong bàn chân. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

GT01020. Bóng chuyền (Volleyball). (1TC:0-1-3; 45).

Mô tả vắn tắt nội dung: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng chuyền. Luật Bóng chuyền. Các kỹ thuật cơ bản: Tư thế chuẩn bị, di chuyển, chuyền bóng cao tay, thấp tay, phát bóng cao tay(nam), thấp tay(nữ), đập bóng, chắn bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

GT01021. Bóng rổ (Basketball). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền - bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

GT01022. Cầu lông (Badminton). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, giao cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, cao tay phải trái, đánh cầu cao sâu, đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước: không*

GT01023. Cờ Vua (Chess). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cờ vua. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cờ vua. Luật Cờ vua. Nguyên lý cơ bản chơi Cờ vua trong từng giai đoạn của ván đấu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu.

GT01014. Khiêu vũ (Dance Sport). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Khiêu vũ thể thao. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Khiêu vũ thể thao. Luật Khiêu vũ thể thao. Các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu rumba và chachacha. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

GT01015. Bơi (Swimming). (1TC:0-1-3; 45).

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bơi. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bơi. Luật Bơi. Các kỹ thuật cơ bản: tư thế thân người, kỹ thuật động tác – chân – thở... Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

KN01001. Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills). (2TC:2-0-6; 90).

Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lắng nghe và phản hồi hiệu quả; Kỹ năng thương lượng (đàm phán).

KN01002. Kỹ năng lãnh đạo (Leadership Skills). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng tạo động lực; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức; Kỹ năng giao tiếp và đàm phán; Kỹ năng ra quyết định; Cung cấp những kiến thức cơ bản trong lãnh đạo, ra quyết định và cách xử lý tình huống trong công tác lãnh đạo.

KN01003. Kỹ năng quản lý bản thân (Self Management Skills). (2TC: 2-0-6; 90).

Kỹ năng khám phá bản thân; Kỹ năng kiểm soát cảm xúc; Kỹ năng ứng phó căng thẳng; Kỹ năng xác định mục tiêu; Kỹ năng quản lý thời gian hiệu.

KN01004. Kỹ năng tìm kiếm việc làm (Job Search Skills). (2TC: 2-0-6; 90).

Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm; kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tìm việc; Kỹ năng phỏng vấn tìm việc; Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ; Hòa nhập và phát triển trong môi trường nghề nghiệp.

KN01005. Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills). (2TC: 2-0-6; 90).

Khái niệm nhóm và làm việc theo nhóm; Các kỹ năng làm việc theo nhóm; Quản lý và điều hành nhóm

KN01006. Kỹ năng hội nhập (Intergrated Skills). (2TC: 2-0-6; 90).

Kỹ năng tiếp cận văn hóa thế giới; Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và làm việc trong môi trường quốc tế hóa; Kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường quốc tế hóa; Kỹ năng hợp tác và liên kết quốc tế; Kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường quốc tế hóa.

KQ01211. Quản trị học (Principles of Management). (3TC: 3-0-9; 135).

Môn học gồm 7 chương liên quan đến: Những vấn đề cơ bản của quản trị; Nhà quản trị, nhà doanh nghiệp; Thông tin và quyết định quản trị; Chức năng hoạch định; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm tra.

KQ01220. Nguyên lý logistics (Principle of Logistics). (2TC: 2-0-6; 90) .

Tổng quan về logistics; Lập kế hoạch sản xuất; Cung ứng vật tư; Vận tải; Dự trữ; Kho bãi

KQ01221. Dịch vụ bảo hiểm logistics (Logistics insurance services). (2TC: 2-0-6; 90)

.

Học phần này gồm: Khái quát chung về dịch vụ bảo hiểm; Các vấn đề cơ bản về dịch vụ bảo hiểm logistics; Tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics; Hợp đồng bảo hiểm logistics; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm logistics.

KQ01217. Tâm lý quản lý (Psychology in Business Management). (2TC: 2-0-6; 90).

Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý quản lý; Con người và một số quy luật tâm lý tình cảm của con người; Tập thể lao động và một số quy luật tâm lý tập thể; Vận dụng kiến thức tâm lý trong giao tiếp; Tâm lý của lãnh đạo trong quản lý.

KQ01218. Khởi nghiệp (Start up your own business). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về ý tưởng kinh doanh; Phát triển dự án khởi sự kinh doanh (DAKSKD); Phân tích kỹ thuật công nghệ DAKSKD; Phân tích tài chính DAKSKD; Phân tích kinh tế xã hội và môi trường DAKSKD; Phân tích rủi ro DAKSKD; Khởi tạo doanh nghiệp.

KQ02311. Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng; Thiết kế mạng lưới phân phối; Phân tích kỹ thuật công nghệ DAKSKD; Phân tích tài chính DAKSKD; Phân tích kinh tế xã hội và môi trường DAKSKD; Phân tích rủi ro DAKSKD; Khởi tạo doanh nghiệp. Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử

KQ01221. Dịch vụ bảo hiểm logistics (Logistics insurance services). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần này gồm: Khái niệm chung về kiểm toán; Các vấn đề cơ bản trong kiểm toán; Các vấn đề cơ bản về dịch vụ đảm bảo; Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

KQ01219. Tinh thần doanh nhân (Entrepreneurship). (2TC: 2-0-6; 90).

Giới thiệu về bản chất khoa học tinh thần doanh nhân; Đặc điểm của các đối tượng doanh nhân, xác định cơ hội và thách thức, kỹ năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phát triển các mô hình kinh doanh chủ yếu và đạo đức doanh nhân.

ML01020. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism And Leninism). (3TC: 3-0-9; 135).

Học phần này gồm Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

ML01021. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism And Leninism). (2-0-6; 90).

Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

ML01022. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Socialism). (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

ML01005. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2-0-6; 90).

Nội dung học phần là tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới.

ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần trình bày các vấn đề: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và

lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

ML01009. Pháp luật đại cương (Introduction to Laws). (2TC: 2-0-6; 90)

Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Kinh tế, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Luật Hành chính và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

QS01001. Đường lối quân sự của Đảng. (The military policies of the Party). (3TC: 3-0-9;135).

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối Quốc phòng và an ninh bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

QS01002. Công tác quốc phòng, an ninh (Defence worker - security). (2TC: 2-0-6; 90).

Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

QS01003. Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC) (General military and AK shooting tactics, technique). (3TC: 2-1-9; 135).

Trang bị cho sinh viên những vấn đề kỹ năng quân sự cần thiết như: Lý thuyết bắn súng tiểu liên AK; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Sử dụng bản đồ quân sự; Phòng chống các loại vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; các loại Thuốc nổ; Kỹ năng thực hành bắn súng tiểu liên AK bài 1; Chiến thuật từng người trong chiến đấu tiên công và từng người trong chiến đấu phòng ngự; Đội ngũ cấp Tiểu đội và cấp Trung đội.

SN00011. Tiếng Anh 0 (English 0). (2TC: 2-0-6; 90).

This course consists of 5 units at elementary level about the five topics including Lifestyle (Unit 1), People (Unit 2), Places (Unit 3), Food (Unit 4), The Past (Unit 5). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through four different parts, each of which contains vocabulary, grammar, function, reading, speaking, listening, and writing.

SN01032. Tiếng Anh 1 (English 1). (3TC: 3-0-9; 135).

This course consists of 6 units at pre-intermediate level about the six topics including Life (Unit 1), Work (Unit 2), Time out (Unit 3), Great Minds (Unit 4), Travel (Unit 5) and Fitness (Unit 6). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities.

SN01033. Tiếng Anh 2 (English 2). (3TC: 3-0-9; 135).

This course consists of 6 units at pre-intermediate level about the six topics including Changes (Unit 1), Money (Unit 2), Nature (Unit 3), I love chocolate (Unit 4), Society (Unit 5) and Technology (Unit 6). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities.

TH01009. Tin học đại cương (Introduction to Informatics). (2TC: 1,5-0,5-6; 90).

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tin học, bao gồm: Các khái niệm cơ bản; Cơ sở toán học của máy tính; Các kiến thức cơ bản về cấu trúc máy tính, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính và Internet; Các vấn đề xã hội, pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, khai thác mạng máy tính, Internet và một số phần mềm thông dụng như MS Word, MS PowerPoint, MS Excel.

TH01007. Xác suất thống kê (Probability and Statistics). (3TC: 3-0-9; 135).

Học phần gồm 6 chương với nội dung: Thống kê mô tả; Xác suất; Biến ngẫu nhiên; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy.

KT02011. Toán kinh tế (Mathematical Economics). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần gồm 6 chương với nội dung về giới thiệu mô hình toán kinh tế; Phân tích cân bằng tĩnh; Phân tích so sánh_ Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong phân tích các vấn đề kinh tế vi mô và vĩ mô; Bài toán tối ưu hóa sản xuất và tiêu dùng; Bài toán quy hoạch tuyến tính; Bài toán vận tải. Học phần sử dụng mô hình toán kinh tế, các phân tích kinh tế vi mô, vĩ mô và các vấn đề tối ưu trong sản xuất, tiêu dùng, lưu thông hàng hóa và lựa chọn kế hoạch sản xuất.

3.3.2. Các học phần cơ sở ngành

KQ02209. Quản trị doanh nghiệp (Corporation management). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần này gồm Nhập môn quản trị doanh nghiệp; Tổng quan về doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Quản trị tư liệu sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị vốn trong doanh nghiệp; Tổ chức lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; Quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

KQ02005. Kế toán quản trị (Managerial Accounting). (3TC: 3-0-9;135).

Những kiến thức chung về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí trong Kế toán quản trị; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng-lợi nhuận; Thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định; Định giá sản phẩm và dịch vụ.

KQ02014. Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần này gồm có 05 chương và gồm các nội dung: Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán; Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán (Báo cáo tài chính); Lập chứng từ và kiểm kê; Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; Tính giá.

KT02003. Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics) (3TC: 3-0-9; 135).

Giới thiệu những nguyên lý cơ bản về Kinh tế học vi mô, Vận dụng kinh tế học vi mô vào phân tích thị trường nông nghiệp, Kinh tế học vĩ mô, Vận dụng kinh tế học vĩ mô phân tích chính sách. 3 phần, (A) Những vấn đề chung về kinh tế học, (B) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (C) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô.

KQ02106. Marketing căn bản (Principles of marketing). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần này gồm Tổng quan về marketing; Môi trường marketing; Nghiên cứu hành vi khách hàng; Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hoá; Chiến lược sản phẩm; Chiến lược giá cả hàng hóa; Chiến lược phân phối hàng hóa; Chiến lược xúc tiến hỗn hợp.

3.3.3. Các học phần chuyên ngành

KQ03112. Quản trị marketing (Marketing management).(3TC: 3-0-9;135).

Tổng quan về quản trị marketing; Hoạch định chiến lược marketing; Lựa chọn thị trường mục tiêu; Hoạch định chính sách sản phẩm; Thiết kế chiến lược và chính sách định giá; Thiết kế và quản trị kênh phân phối; Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp; Xây dựng kế hoạch marketing.

KQ03215. Quản trị rủi ro (Risk Management). (2TC: 2-0-6; 90).

Giới thiệu chung về quản trị rủi ro; Các bước quản trị rủi ro; Nhận diện rủi ro; Đo lường rủi ro; Chiến lược quản trị rủi ro.

KQ03102. Giao tiếp và đàm phán kinh doanh (Communication and negotiation in business). (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần này gồm Tổng quan về giao tiếp trong kinh doanh; Ngôn ngữ cơ thể, lắng nghe trong kinh doanh; Kỹ năng thuyết trình và làm việc tập thể trong kinh doanh; Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết trong kinh doanh; Đàm phán trong kinh doanh; Giao tiếp trong tuyển dụng xin việc.

KQ03202- Kinh tế hợp tác. (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần kinh tế hợp tác bao gồm 5 chương. Nội dung chủ yếu cụ thể như sau: Khái quát về kinh tế hợp tác, Các hình thức kinh tế hợp tác chủ yếu, quản trị trong kinh tế hợp tác, liên kết kinh tế và các loại hình liên kết kinh tế, vai trò của nhà nước đối với kinh tế hợp tác.

KQ03205. Quản lý đầu tư kinh doanh (Business Investment Management). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về dự án đầu tư kinh doanh; Xác định dự án đầu tư kinh doanh; Lập kế hoạch dự án đầu tư kinh doanh; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Quản lý nguồn lực đầu tư kinh doanh; Quản lý chi phí dự án đầu tư kinh doanh; Quản lý chất lượng và rủi ro dự án; Giám sát và đánh giá dự án đầu tư kinh doanh.

KQ03007. Kế toán tài chính (Financial Accounting). (3TC: 3-0-9;135).

Môn học được tập trung giới thiệu các nội dung và thực hành về: Kế vốn bằng tiền, các khoản phải thu, ứng trước, trả trước; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định và đầu tư tài chính; Kế toán nợ phải trả; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán doanh thu bán hàng, thu chi tài chính, thu chi khác và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.

KQ03101. Công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp (Leadership in Business Organizations). (2TC: 2-0-6; 90).

Bản chất về sự lãnh đạo; Cơ sở hình thành quyền lực và sự ảnh hưởng trong công tác lãnh đạo doanh nghiệp; Bản chất công việc lãnh đạo và quản trị trong doanh nghiệp; Hành vi của người lãnh đạo doanh nghiệp có hiệu quả; Lý thuyết tình huống về hành vi của người lãnh đạo doanh nghiệp có hiệu quả; Những yếu tố tình huống trong hành vi lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp; Tính cách và kỹ năng của người lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp.

KQ03425. Quản lý kho hàng và trung tâm logistics (Warehouse management) (2TC: 2-0-6; 90).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm có 04 chương và gồm các nội dung: Tổng quan về kho hàng hóa và trung tâm logistics, Quản lý nhập, xuất kho; Quản lý tồn kho; Trang thiết bị trong kho hàng và trung tâm logistics.

KQ03436. Quản trị vận tải (Transport Management) (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về Quản trị vận tải; Các phương thức vận tải; Giao nhận hàng hóa; Vận đơn

KQ03210. Quản trị hành chính văn phòng (Management in business administration). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về Quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức nhân sự văn phòng; Hoạch định công việc hành chính văn phòng; Tổ chức tiếp khách, hội họp hội nghị và các chuyến đi công tác; Tổ chức công tác văn thư- lưu trữ; Kỹ năng soạn thảo văn bản

KQ03207: Quản trị chiến lược (Strategic Management). (3TC: 3-0-9;135).

Tổng quan về chiến lược và Quản trị chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; Nghiên cứu môi trường kinh doanh và phân tích nội bộ doanh nghiệp; Chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp bộ phận Doanh nghiệp; Phân tích và lựa chọn chiến lược; Tổ chức thực hiện chiến lược; Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Học phần tiên quyết: Quản trị học

KQ03427. Hệ thống cơ sở dữ liệu logistics và chuỗi cung ứng (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần này gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, hệ thống thông tin logistics và thiết kế hệ thống thông tin trong hoạt động logistics

KQ03213. Quản trị nhân lực (Human Resource Management). (3TC: 3-0-9;135).

Tổng quan về Quản trị nhân lực; Hoạch định nhân lực; Phân tích công việc; Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và Phát triển nhân lực; Đánh giá thực hiện công việc; Tạo động lực lao động; Thù lao lao động

KQ03426. Quản trị giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế (Management of international freight forwarding and shipping). (2TC: 2-0-6; 90).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm Tổng quan về giao nhận vận chuyển hàng hoá quốc tế; Giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường biển; Giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường hàng không; Giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường sắt; Giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng ô tô; Giao nhận và vận tải đa phương thức; Quản trị quy trình giao nhận vận chuyển hàng hoá quốc tế. Học phần tiên quyết: Quản trị học

KQ03380. Hành vi tổ chức (Organizational Behavior). (2TC: 2-0-6; 90).

Nhập môn hành vi tổ chức; Cơ sở của hành vi cá nhân; Nhận thức, giá trị, thái độ và hài lòng trong công việc; Truyền thông trong nhóm và trong tổ chức; Nghệ thuật lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn; Cơ cấu tổ chức; Văn hóa tổ chức.

KQ03330. Chiến lược quảng bá (Publicity Strategy). (2TC: 2-0-6; 90).

Giới thiệu phương pháp nghiên cứu thị trường, hành vi tiêu dùng và chiến lược truyền thông tổng hợp; Thiết kế chương trình quảng cáo; Xúc tiến bán hàng và quan hệ công chúng; Kinh nghiệm quảng bá sản phẩm và dịch vụ từ các nghiên cứu điển hình.

KQ03315. Phân tích báo cáo kế toán (Accounting Reports Analysis). (2TC: 2-0-6; 90).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần Phân tích báo cáo kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích báo cáo kế toán, nội dung phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp và phân tích các báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

KQ03349. Định giá tài sản. (3TC: 3-0-9; 135).

Tổng quan về định giá; Định giá tài sản phi tài chính; Định giá tài sản tài chính.

KQ03329. Quản trị bán hàng (Sales management) (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng. Học phần tiên quyết: Quản trị học

KQ03016. Phân tích Kinh doanh (Business Analysis). (3TC: 3-0-9;135).

Học phần Phân tích kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên: Những kiến thức chung về phân tích kinh doanh; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích chi phí; Phân tích sản xuất; Phân tích tiêu thụ, lợi nhuận và báo cáo tài chính.

KQ03301. Quản trị Tài chính doanh nghiệp. (Corporate Financial Management). (3TC: 3-0-9;135).

Môn học gồm có các nội dung sau: Tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản lý vốn cố định; Quản lý vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Nguồn tài trợ và chi phí sử dụng vốn; Phân tích tài chính và kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp.

KQ03345. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (Business ethics and corporate culture). (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần này gồm: Khái quát về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; Xây dựng đạo đức kinh doanh ; Xây dựng văn hoá doanh nghiệp ; Vận dụng đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong thực tiễn.

KQ03110. Quản lý chất lượng sản phẩm (Management of product quality). (3TC: 3-0-9;135).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm Hiểu biết chung về chất lượng sản phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm; Hệ thống quản lý chất lượng

toàn diện (TQM); Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng sản phẩm; Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm; Các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng sản phẩm; Mã số, mã vạch.

SN03052. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán và quản trị kinh doanh (English for Accounting and Business management). (2TC: 2-0-6; 90).

This course consists of 9 units, 3 working across culture lessons and 3 Review units. 1. Careers; 2. Companies; 3. Selling 4. Great ideas; 5. Stress; 6. Entertaining; 7. New business; 8. Marketing; 9. Planning. All units include following parts: starting up, vocabulary, listening, reading, Language review, skills, case study.

KQ03327. Quản trị kênh phân phối (Management of Distribution Channel). (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần trình bày **khái quát về quản trị kênh phân phối; Các chủ thể tham gia kênh phân phối; Hành vi trong kênh và môi trường hoạt động của các kênh phân phối; Chiến lược kênh phân phối; Thiết kế kênh và tuyển chọn thành viên; Quản lý dòng chảy kênh và khuyến khích thành viên kênh; Đánh giá các thành viên kênh.**

KQ03400. Thanh toán quốc tế (International Payment). (2TC: 2-0-6; 90).

Môn học này bao gồm 4 nội dung chính: Khái quát về hợp đồng ngoại thương; Các phương thức thanh toán quốc tế; Phương thức thanh toán L/C; Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế

KQ03337. Marketing dịch vụ (Services Marketing). (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần gồm 5 chương với các nội dung về: Tổng quan về dịch vụ và Marketing dịch vụ; Khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp; Giao tiếp cá nhân dịch vụ và chất lượng dịch vụ; Marketing hỗn hợp trong dịch vụ; và Tổ chức thực hiện marketing trong các doanh nghiệp dịch vụ .

KQ03217. Phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh (Research Methodology in Business Management). (2TC: 2-0-6; 90).

Tổng quan chung về phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh; Quy trình nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu; Thu thập dữ liệu nghiên cứu; Phân tích số liệu; Phần mềm ứng dụng trong nghiên cứu QTKD; Trình bày kết quả nghiên cứu.

KQ03424. Logistics quốc tế (International logistics) (2TC: 2-0-6; 90).

Học phần gồm 6 chương liên quan đến Giới thiệu tổng quát về Logistics quốc tế; Các nghiệp vụ vận tải quốc tế; Đóng gói; Bảo hiểm; Thủ tục hải quan và an ninh quốc tế; Logistics quốc tế cơ hội và thách thức.

KQ03424. Logistics trong thương mại điện tử (Logistics E- Commerce) (2TC: 2-0-6; 90).

Chương 1: Tổng quan về logistics trong thương mại điện tử. Chương 2: Cơ sở hạ tầng của logistics trong thương mại điện tử. Chương 3: Logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 4: Logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 5: Chiến lược logistics trong thương mại điện tử.

MT03066. Môi trường và Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp (Environment and competitive advantage of the business). (2TC: 2-0-6; 90).

Môi trường là yếu tố sản xuất; Bảo vệ môi trường và mục tiêu của doanh nghiệp; Hệ thống quản lý môi trường doanh nghiệp; Quản lý môi trường doanh nghiệp.

KQ 4990. Thực tập giáo trình 1 (Internship 1). (6TC: 0-6-18; 270).

Học phần này gồm xây dựng kế hoạch thực tập; Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp; Tìm hiểu các nguồn lực của doanh nghiệp; Hiểu quy trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Xác định vấn đề công ty đang gặp phải; Tổng hợp và xử lý thông tin; Viết báo cáo và trình bày.

KQ04979. Thực tập giáo trình 2 (Internship 2). (7TC: 0-7-21; 315).

Mô tả vấn đề nội dung xây dựng kế hoạch thực tập; Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp; Tìm hiểu quy trình và thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tìm hiểu sâu về một vấn đề cụ thể của doanh nghiệp; Xác định vấn đề doanh nghiệp đang gặp phải (tập trung các vấn đề về marketing, kế toán, tài chính, quản trị) và đề xuất giải pháp; Tổng hợp và xử lý thông tin; Viết báo cáo và trình bày. Học phần tiên quyết: Thực tập giáo trình 1

KQ04999. Khóa luận tốt nghiệp (Thesis). (10TC: 0-10-30 ; 450).

Học phần này gồm xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng đề cương sơ bộ; Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu; Nhận định, phân tích các nội dung của chủ đề nghiên cứu trong thực tiễn; Đề xuất giải pháp phù hợp cho đơn vị thực tập thuộc lĩnh vực nghiên cứu; Viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp; Hoàn thiện và trình bày khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng. Học phần tiên quyết: Thực tập giáo trình 2

Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

<http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/>

2. Đề nghị của khoa

Với đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ và cơ sở vật chất hiện có, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh có đủ năng lực để đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Khoa Kế toán & Quản trị kinh doanh cam kết thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với ngành mới.

Kính đề nghị Giám đốc Học viện cho phép Khoa được đăng ký mở chương trình đào tạo thí điểm bậc đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Khoa cam kết sẽ triển khai thực hiện tốt nhất chương trình đào tạo mới mở.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Khoa KT&QTKD
- Ban QLĐT

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Trần Hữu Cường